

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100739909 (số cũ 3503000233) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 16/05/2017)

BIASAIGON
SAIGON - MIEN TRUNG

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Quyết định đăng ký niêm yết số: 239/QĐ-SGD-TP.HCM do S. Kế. T. HCM cấp ngày 27 tháng 06 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262 3877 519

Fax: 0262 3877 455

Website: www.biasaigonmt.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024 3773 7070

Fax: 024 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6290 8686

Fax: 028 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: HUỖNH VĂN DŨNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0262 3877 519

Số fax: 0262 3877 455

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100739909 (số cũ 3503000233) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 16/05/2017)

Địa chỉ : Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262 3877 519

Fax : 0262 3877 455

Email : sgmt.bia@gmail.com

Website : www.biasaigonmt.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu : SMB

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: 29.846.648 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 298.466.480.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT



Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 6278 2904 **Fax**: 024 6278 2905

Website: www.anvietcpa.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024 3773 7070 **Fax**: 024 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6290 8686 **Fax**: 028 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. <i>Rủi ro về kinh tế.....</i>	4
2. <i>Rủi ro về luật pháp</i>	7
3. <i>Rủi ro đặc thù ngành.....</i>	8
4. <i>Rủi ro khác</i>	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	11
1. <i>Tổ chức niêm yết.....</i>	11
2. <i>Tổ chức tư vấn.....</i>	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	13
1. <i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</i>	13
2. <i>Cơ cấu tổ chức công ty.....</i>	16
3. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....</i>	17
4. <i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông</i>	21
5. <i>Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.</i>	22
6. <i>Hoạt động kinh doanh</i>	23
7. <i>Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất.....</i>	35
8. <i>Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i>	41
9. <i>Chính sách đối với người lao động</i>	43
10. <i>Chính sách cổ tức</i>	45
11. <i>Tình hình tài chính.....</i>	45
12. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	55
13. <i>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....</i>	58
14. <i>Tài sản</i>	73
15. <i>Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo</i>	76
16. <i>Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....</i>	79
17. <i>Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....</i>	79

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	79
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	80
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	80
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	80
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết: 29.846.648 cổ phiếu.....	80
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết: Không có.....	80
5. Phương pháp tính giá.....	80
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	81
7. Các loại thuế có liên quan.....	82
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	84
1. Tổ chức niêm yết.....	84
2. Tổ chức kiểm toán	84
3. Tổ chức tư vấn.....	84
VII. PHỤ LỤC	85
VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN	86

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế hay là rủi ro hệ thống là những yếu tố cơ bản mà sự thay đổi của chúng sẽ tác động đến các chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Những nhân tố hình thành nên rủi ro này gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung là một chủ thể trong nền kinh tế nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi những yếu tố cơ bản trên.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế

Kinh tế thế giới

Theo nhận định của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), nền kinh tế thế giới trong thời gian ngắn sẽ diễn biến tích cực, tăng trưởng 3,7% trong năm nay và 3,9% trong năm 2019, mức tăng trưởng mạnh nhất kể từ năm 2011. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này có thể được nhận thấy ở mức rõ nhất ở khu vực châu Âu và châu Á, đặc biệt là các nước Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Mỹ. Ngoài ra một số quốc gia mới nổi như Brazil hay Nam Phi cũng sẽ có mức tăng trưởng ấn tượng trong thời gian tới. Thương mại toàn cầu đã tăng mạnh trong những tháng gần đây, cộng với gia tăng sản lượng sản xuất ở châu Á đã giúp cải thiện sự kỳ vọng của các nhà đầu tư và củng cố niềm tin của nhà sản xuất vào nhu cầu tăng cao của người tiêu dùng.

Nước Mỹ với nền kinh tế lớn nhất thế giới tiếp tục được dự báo là sẽ tăng trưởng mạnh trong tương lai gần do chương trình cắt giảm thuế và các gói kích thích kinh tế của chính phủ Mỹ sẽ thúc đẩy động thái đầu tư ngắn hạn. Theo IMF, từ nay đến hết 2020 nước Mỹ sẽ tăng trưởng cao hơn so với các dự báo trước đó đến 1,2% GDP, cụ thể 2018 và 2019 nước Mỹ sẽ tăng trưởng lần lượt 2,7% và 2,5% (so với 2,3% và 1,9% như dự báo trước đây). Tuy nhiên thâm hụt ngân sách dài hạn sẽ khiến cho nước Mỹ thay đổi các chính sách tiền tệ của mình và do đó giảm thiểu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Tăng trưởng của các nền kinh tế đã và đang phát triển khác như khối cộng đồng chung châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc... cũng được dự báo là sẽ tăng trưởng nóng trong các năm sau do nhu cầu tiêu dùng cả trong nước lẫn ngoài nước tăng cao. Châu Á tiếp tục giữ mức tăng trưởng cao ở mức 6,5% mỗi năm và chiếm ½ tổng sản lượng toàn cầu. Tuy nhiên, tình hình chính trị bất ổn ở một số nước như Tây Ban Nha và cạnh tranh xuất khẩu giữa các nước châu Á sẽ tạo nhiều biến động khó lường trong thời gian ngắn.

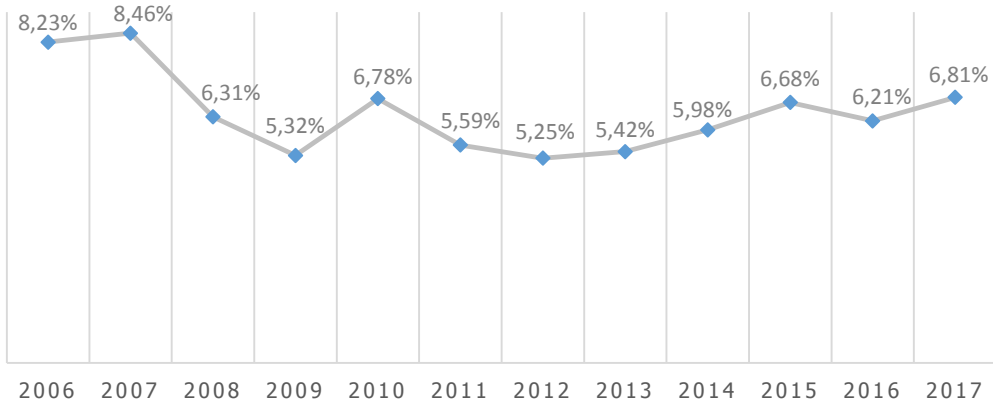
Tuy nền kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng cao trong thời gian tới nhưng vẫn còn ẩn chứa nhiều rủi ro. Trong đó đáng kể nhất là việc thay đổi hoặc trì hoãn các hiệp định thương mại tự do như NAFTA, hay TPP (nay gọi là CPTPP) mà xuất phát điểm là từ phong trào dân tộc cực đoan ở các nước phát triển sẽ là rào cản cho sự phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu.

Kinh tế Việt Nam

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa

với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

TĂNG TRƯỞNG GDP QUA CÁC NĂM



Nguồn: Dữ liệu được tổng hợp từ website Tổng cục Thống kê gso.gov.vn

Sau một năm thành công với tăng trưởng đạt mức kỷ lục 6,81%, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2018 quanh mức 6,5% - 6,7%. Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2018, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam được đánh giá là tích cực trong trung hạn, mức tăng trưởng GDP dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong 2018 nhờ sản xuất nông nghiệp được phục hồi và triển vọng kinh tế toàn cầu tiếp tục cải thiện đáng kể. Theo phân tích của WB, mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay đang phải đối mặt những hạn chế cơ cấu ngày càng lớn. Tăng trưởng kinh tế đã trở nên quá phụ thuộc vào tích lũy các yếu tố sản xuất (vốn, tài nguyên và lượng lao động kỹ năng thấp), cũng như các biện pháp kích thích kinh tế vĩ mô (các chính sách nới lỏng tài khóa và tín dụng) trong khi đóng góp của tăng trưởng năng suất (tổng năng suất các yếu tố - TFP) đang giảm xuống. Nhận thức được tầm quan trọng, Quốc hội đã thông qua quyết định tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, bao gồm tiếp tục cải cách nhằm nâng cao ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải thiện hiệu suất của khu vực DNNN, tăng cường đầu tư công và tạo thuận lợi cho một khu vực tư nhân năng động hơn và năng suất hơn.

Tuy nhiên, kinh tế thế giới thay đổi có thể tác động bất lợi cho kinh tế Việt Nam trong năm 2018 và những năm tiếp theo: Độ co giãn của cầu nhập khẩu theo thu nhập đã giảm mạnh tại hầu hết các nền kinh tế APEC và trên toàn cầu, đặc biệt tại các nước phát triển; Xu hướng bảo hộ thương mại phi thuế quan tăng mạnh, đặt ra thách thức lớn cho các nước xuất khẩu, trong đó có Việt Nam.

1.2. Lạm phát

Năm 2017, tình hình kinh tế Việt Nam có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất khó khăn, thách thức. Tình hình lạm phát năm 2015 ở mức thấp kỷ lục trong vòng 14 năm qua (Chỉ số CPI đạt 0,6%) do thời tiết thuận lợi giúp nguồn cung lương thực dồi dào khiến giá lương thực có sự sụt giảm, cùng với đó là giá xăng dầu ở mức thấp. Năm 2016, CPI đạt mức 4,74%, đây là kết quả cho thấy tình hình lạm phát được kiểm soát tốt (dưới mức 5%), sự gia tăng lạm phát này do có sự điều chỉnh tăng giá ở nhóm mặt hàng y tế và giáo dục. Năm 2017 lạm phát tăng 1,41% so với năm 2016, vẫn được kiểm soát tốt ở dưới mức mục tiêu 4%. Theo đánh giá của Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia, lạm phát năm 2017 giảm so với năm 2016 do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng chậm hơn, trong khi giá thực phẩm giảm. Tuy nhiên sang đến năm 2018 sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công (y tế, giáo dục) và giá thực phẩm, ngoài ra giá nhiên liệu trên thị trường thế giới trong 3 tháng đầu năm tăng khá mạnh làm giá xăng dầu bình quân quý I tăng 9,18% so với cùng kỳ, đóng góp 0,28% vào mức tăng CPI chung. Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016-2020 nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể tương đương năm 2017. CPI bình quân quý I năm 2018 tăng 2,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Lạm phát cơ bản duy trì ổn định, tăng 1,38% so với cùng kỳ, thấp hơn mục tiêu đề ra trong năm là 1,6% - 1,8%.

Trong những năm qua, chỉ tiêu kinh tế này đều được Chính phủ kiểm soát và duy trì tốt ở dưới những mức mục tiêu đã được đề ra đầu năm. Điều này không chỉ tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn tạo tâm lý tốt cho người tiêu dùng từ đó thúc đẩy hoạt động tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB.

1.3. Lãi suất

Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mặt bằng lãi suất năm 2015 tuy biến động giảm mạnh khoảng 50% so với cuối năm 2011, nhưng vẫn ở mức cao đặc biệt là lãi suất cho vay. Cụ thể, lãi suất cho vay ở mức 6-9% (ngắn hạn) và 9-11% (dài hạn). Năm 2016, lãi suất thị trường tài chính cơ bản được giữ ổn định. Theo đó, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn, 9-10%/năm đối với trung và dài. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn, 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Năm 2017 các Ngân hàng thương mại tiếp tục thực hiện tốt chính sách và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về giảm lãi suất, lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn, qua đó có tác động tích cực kích thích sự phát triển của nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Tính đến thời điểm 20/03/2018, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6% - 6,5%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8% - 9%/năm đối với ngắn hạn, 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn.

1.4. Tỷ giá

Năm 2015 là một năm đầy biến động của tỷ giá hối đoái Việt Nam. Đồng Đô la Mỹ (USD) liên tục lên giá do kỳ vọng Fed điều chỉnh tăng lãi suất và Trung Quốc bất ngờ điều chỉnh mạnh tỷ giá đồng Nhân dân tệ, kéo theo đó là làn sóng giảm giá mạnh của các đồng tiền là các đối tác thương

mại chính của Việt Nam. Tính chung cả năm 2015, Ngân hàng nhà nước đã thực hiện điều chỉnh tăng tỉ giá 3% và tăng biên độ thêm 2% từ mức +/-1% lên +/-3%. Năm 2016, dù tình hình chính trị thế giới khá biến động nhưng nhờ áp dụng chính sách tỷ giá trung tâm mà tỷ giá hối đoái được duy trì ổn định cả năm, dao động quanh mức 1%-2,23%. Năm 2017, tỷ giá USD/VND khá ổn định, tính đến tháng 12/2017 tỷ giá trung tâm ước tăng khoảng 1,5-1,7% so với đầu năm chủ yếu do những thay đổi trong tình hình kinh tế và chính trị ở Mỹ. Tỷ giá USD/VND ổn định và tiếp tục được hỗ trợ bởi nguồn cung ngoại tệ dồi dào. Tính đến ngày 29/03/2018, tỷ giá trung tâm ở mức 22.463 VND/USD, tăng 0,21% so với cuối năm 2017. Trong khi đó, tỷ giá NHTM tăng khoảng 0,25%, tỷ giá thị trường tự do tăng khoảng 0,4% so với đầu năm 2018.

Phần lớn nguyên liệu đầu vào của SMB do Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn nhập khẩu và phân chia nhằm đảm bảo sự đồng bộ chất lượng. Tuy không trực tiếp nhập khẩu nhưng sự biến động của tỷ giá ít nhiều vẫn sẽ ảnh hưởng đến giá vốn và áp lực doanh thu đối với Công ty.

Năm 2015, Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 3242,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,5% so với năm trước. Năm 2016, đạt 3.527,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá thì còn tăng 7,8%, thấp hơn mức tăng 8,5% của năm trước do sức mua không biến động lớn, trong khi giá tiêu dùng năm nay tăng cao hơn so với năm 2015. Năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.934,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm trước. Cán cân thương mại giai đoạn 2015-2016 chậm được cải thiện, không ổn định với tình trạng nhập siêu trở lại. Bước sang năm 2017, trái với mức dự đoán về việc tiếp diễn tình trạng nhập siêu cán cân thương mại đã chuyển sang xuất siêu khoảng 2,7 tỷ USD điều này cũng góp phần vào kết quả tăng trưởng GDP ấn tượng của nước ta khi chỉ tiêu đã đạt mức 6,81% so với năm 2016, vượt mốc mục tiêu 6,7% kế hoạch được Quốc hội đặt ra đầu năm. Tính đến quý I/2018, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 7,38% so với cùng kỳ năm trước nhờ động lực chính từ khu vực công nghiệp và xây dựng với ngành công nghiệp chế biến chế tạo là nòng cốt, đây còn là tốc độ tăng trưởng GDP nhanh nhất trong 10 năm trở lại đây, thể hiện sự tăng trưởng rất tốt của nền kinh tế Việt Nam. Quý I/2018, dự báo cán cân thanh toán quốc tế tiếp tục thặng dư ở mức cao nhờ cán cân thương mại tiếp tục xuất siêu. Tuy nhiên cả năm 2018, cán cân thương mại có thể bị tác động bất lợi do lo ngại về xung đột thương mại Mỹ Trung và chủ nghĩa bảo hộ ngày càng gia tăng mạnh mẽ.

Tăng trưởng kinh tế tốt giúp sức mua và nhu cầu tiêu dùng hàng hóa của người dân nói chung được củng cố đáng kể, nhất là các mặt hàng không thiết yếu như rượu bia, từ đó ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành bia nói chung và Công ty nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sản phẩm bia vì thế SMB phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong thời gian tới, khi thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt dành cho mặt hàng này tăng theo lộ trình sẽ làm tăng chi phí gây ra nhiều áp lực đối với các doanh nghiệp trong ngành. Đây là rủi ro pháp luật đặc biệt sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến sự tăng trưởng và phát triển của của Bia Sài Gòn – Miền Trung trong tương lai.

Ngoài ra, Công ty cũng đang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và có cổ phiếu đang được đăng ký giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội nên SMB phải tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong thời gian tới, nhằm đáp ứng lộ trình hội nhập kinh tế toàn cầu hệ thống pháp luật Việt Nam chắc chắn sẽ còn nhiều thay đổi nhằm hoàn thiện khung pháp lý, tạo cơ hội thuận lợi thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Điều này sẽ tạo ra nhiều khó khăn và thách thức cho việc tiếp nhận và tuân thủ thực hiện của các doanh nghiệp trong nước nói chung và Bia Sài Gòn – Miền Trung nói riêng. Để hạn chế những sai phạm và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới, từ đó áp dụng thực tế vào các quy trình nghiệp vụ để có được sự tuân thủ pháp luật với mức độ cao nhất.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro cạnh tranh

Mức độ hội nhập kinh tế diễn ra mạnh mẽ khiến thị trường ngành bia rượu Việt Nam đã có sự tham gia tích cực của hàng loạt các thương hiệu thế giới như bia Budweiser, Heineken, Tiger của tập đoàn khổng lồ Anheuser – BuschVBL, Carlsberg với nhãn bia mới Tuborg, v.v... Những doanh nghiệp này với lợi thế thương hiệu, mẫu mã và chất lượng đã đặt các doanh nghiệp ngành bia trong nước trước áp lực phải có sự đầu tư, học hỏi thêm về công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm đáp ứng tốt thị hiếu của người tiêu dùng vừa có giá bán hợp lý.

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đối với Bia Sài Gòn – Miền Trung ban lãnh đạo luôn chú ý quan sát theo dõi diễn biến của thị trường, nhanh chóng ứng phó kịp thời bằng việc xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý, nâng cao chất lượng sản phẩm kết hợp với việc giữ vững và linh hoạt điều chỉnh chính sách giá bán cạnh tranh, liên tục mở rộng phạm vi phân phối và quảng bá hình ảnh, thương hiệu trong phạm vi khu vực và toàn quốc.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty gồm: malt bia, gạo, hoa cao houblon,... Malt là tên gọi chung chỉ ngũ cốc nảy mầm (lúa mạch, tiểu mạch, thóc gạo, thóc nếp), là nguồn nguyên liệu chính cho quá trình lên men và góp phần lớn trong việc tạo hương vị và màu sắc cho bia. Tuy nhiên Việt Nam chưa trồng được malt đại mạch dùng để sản xuất bia, do đó phải nhập từ nước ngoài. Giá thành và chất lượng của từng loại bia sẽ tương ứng với hàm lượng malt nguyên chất. Và một nguyên liệu quan trọng thứ 2 phải nhập khẩu là hoa Houblon do loại hoa này chỉ thích hợp trồng ở vùng khí hậu ôn đới. Tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (khoảng 2% - 3%) nhưng hoa Houblon là nguyên liệu tạo nên vị đắng dịu, hương thơm đặc trưng, làm tăng khả năng tạo và giữ bền bọt cho bia. Có thể thấy, hai loại nguyên liệu này là không thể thay thế trong quá trình sản xuất nên việc biến động về giá mua, tỷ giá, lãi suất, thiên tai khiến mùa vụ bị thiệt hại cũng sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện tại, hoạt động nhập khẩu, thu mua nguyên vật liệu chính (malt, houblon) do Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) đảm nhiệm toàn bộ từ việc lên kế hoạch, tìm nguồn hàng, soạn thảo kí kết hợp đồng cũng như phân phối về các công ty con và công ty thành viên theo đơn đặt hàng của từng công ty.

Theo số liệu của Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (International Grains Council), Tổ chức nông lương liên hợp quốc (FAO) và Bloomberg, sản lượng lúa mạch mùa vụ 2016 - 2017 sẽ giảm so với mùa trước, cụ thể chỉ đạt 144,6 triệu tấn do mưa lớn làm ảnh hưởng đến diện tích trồng lúa mạch tại các nước Châu Âu trong đó có Pháp và Đức (2 nước thuộc nhóm sản xuất nhiều lúa mạch nhất Thế giới và cũng là một trong những nước cung cấp nguồn hàng cho Tổng Công ty), thấp hơn

mức 147 triệu tấn vụ mùa 2015 - 2016. Việc giảm sản lượng sẽ đẩy giá bán lên cao và tác động đến giá vốn của Công ty. Về nguyên liệu hoa bia, hiện nay có 02 quốc gia đang dẫn đầu về diện tích trồng hoa bia là Đức (Hallertau) và Mỹ (vùng Yakima bang Washington và Thung lũng Willamette bang Oregon). Tuy vậy vùng nguyên liệu tại Mỹ phần lớn được sử dụng để phục vụ cho nhu cầu hoa bia trong nước. Do vậy, Đức vẫn là đất nước chủ yếu mà các hãng sản xuất bia tại Việt Nam nhập về nguồn hoa bia chất lượng, giá hoa bia nhìn chung có giảm nhưng vẫn ở mức cao.

Trước tình hình này, việc dự trữ nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất và giá thành là rất cần thiết, đòi hỏi Công ty phải tính toán hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong khâu dự trữ.

Rủi ro giá sản phẩm đầu ra

Sản phẩm của Công ty là mặt hàng bia, đây là hàng hóa không thiết yếu nên mức tiêu thụ của sản phẩm phụ thuộc lớn vào thu nhập của người tiêu dùng. Nhìn chung, mặc dù hiện tại lượng tiêu thụ bia tại Việt Nam đang ở mức cao nhưng thu nhập người tiêu dùng vẫn còn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực nên sự biến động tăng của giá bia cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về thuế

Các khoản thuế phải nộp hiện nay của Công ty chủ yếu là thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Chính vì thế, khi các chính sách điều chỉnh các loại thuế này có sự thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí làm giảm sút kết quả kinh doanh của SMB.

Thuế tiêu thụ đặc biệt chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2016 (73,24%). Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014, thì bia là một trong những mặt hàng sẽ chịu mức thuế suất tăng theo lộ trình. Cụ thể từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng này sẽ tăng lên mức 55%, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 sẽ tăng lên mức 60% và từ ngày 01/01/2018 sẽ tăng lên mức 65%. Việc gia tăng các mức thuế suất này chắc chắn sẽ có những tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành trong đó bao gồm cả Bia Sài Gòn – Miền Trung.

4. Rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Do nhiều nguyên vật liệu quan trọng đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất và đầu ra tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu phụ thuộc vào Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, vì thế SMB có thể gặp một số rủi ro khi đối tác này thay đổi chính sách hợp tác với các đơn vị liên kết. Bên cạnh đó chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty cũng sẽ ảnh hưởng đến giá cả cung cấp nguyên vật liệu cũng như giá thu mua thành phẩm từ đó gây tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Với việc nắm giữ 32,22% vốn điều lệ của SMB, việc quyết định các vấn đề quan trọng tại Đại hội rất cần sự đồng thuận của Tổng Công ty qua đó giúp định hướng và các chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh được thực hiện hiệu quả mang lại giá trị kinh tế cho cổ đông. Trong trường hợp Tổng Công ty có ý kiến phản đối, hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB có thể sẽ không có nhiều sự đổi mới để khai thác tốt các cơ hội kinh doanh trong tương lai.

5. Rủi ro khác

Khi niêm yết trên sàn GDCK Tp.Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty sẽ được nhiều nhà đầu tư tìm hiểu và biết đến hơn trước nhằm đưa ra các quyết định đầu tư. Việc biến động của thị trường chứng khoán chung sẽ ảnh hưởng đến thị giá cổ phiếu SMB, tác động đến hình ảnh và hoạt động của Công ty, do đó Bia Sài Gòn – Miền Trung sẽ luôn nỗ lực tối đa trong các công tác cụ thể như công bố thông tin, quan hệ nhà đầu tư, xây dựng hình ảnh công ty trở thành doanh nghiệp minh bạch, đáng tin cậy trong lòng khách hàng, đối tác và người tiêu dùng.

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, sự biến động chính trị xã hội trong nước và thế giới, chiến tranh... đây là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Ông: BÙI NGỌC HẠNH

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông: HUỖNH VĂN DŨNG

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông: VŨ TUẤN ANH

Chức vụ: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
và người được ủy quyền công bố thông tin

Ông: NGUYỄN VĂN DŨNG

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Bà: LÊ QUANG NGỌC THANH

Chức vụ: Giám đốc Phòng Tư vấn TCDN

Giấy ủy quyền số: 142-2017/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 18 tháng 12 năm 2017.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do CTCP Chứng Khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- FPTS : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- SMB : Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
- CTCP : Công ty Cổ phần
- Giấy CNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- BCTC : Báo cáo tài chính
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- VCSH : Vốn chủ sở hữu
- DTT : Doanh thu thuần
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- HDSXKD : Hoạt động sản xuất kinh doanh
- TNDN : Thu nhập doanh nghiệp
- CP : Cổ phiếu, cổ phần
- TP. HCM : Thành Phố Hồ Chí Minh
- ĐKNY : Đăng ký niêm yết
- TTĐB : Tiêu thụ đặc biệt
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG
Tên tiếng Anh	: SAI GON – MIEN TRUNG BEER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: SMB
Mã chứng khoán	: SMB
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Số điện thoại	: 0262 3877 519
Số Fax	: 0262 3877 455
Website	: www.biasaigonmt.com.vn
Email	: sgmt.bia@gmail.com

Logo: 

Vốn điều lệ đăng ký : 298.466.480.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 298.466.480.000 đồng

Ngày trở thành Công ty đại chúng: 26/03/2009

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Dũng – Chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Giấy CNĐKDN số: 4100739909 (số cũ 3503000233) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 16/05/2017.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện
26/09/2008	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba Công ty theo chủ trương Đại hội đồng cổ đông của ba công ty: CTCP Bia Sài Gòn - Quy Nhơn, CTCP Bia Sài Gòn - Phú Yên và CTCP Bia Sài Gòn - Đắk Lắk, được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các công ty hợp nhất.
01/10/2008	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000233 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 26/09/2008.

Thời gian	Sự kiện
06/09/2009	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Đăk Lăk từ 25 lên 70 triệu lít/ năm.
09/07/2010	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán lần đầu số 162/2010/GCNCP-VSD.
08/09/2010	Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung trên sàn UPCoM với mã cổ phiếu SMB.
22/08/2011	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung làm lễ ra mắt sản phẩm Bia SEREPOK của Nhà máy bia Sài Gòn – Đăk Lăk.
20/09/2017	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung thành lập công ty con đầu tiên của mình là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn hoạt động với ngành nghề chính là buôn bán đồ uống. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung vẫn đang tiếp tục củng cố và giữ vững vị trí là một trong những thành viên nổi bật với mức tiêu thụ sản phẩm lớn trong hệ thống các công ty thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất rượu	1101
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát	1104
3	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	2825
4	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, rượu, nước giải khát	4633
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	4659
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng	6810

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư	4100
8	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm	8560
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
11	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch	7912
12	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất các loại bia	1103 (Chính)
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Cho thuê xe có động cơ	7710

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung đăng ký hoạt động với hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ 298.466.480.000 đồng. Trong quá trình hoạt động đến nay, SMB không thực hiện tăng vốn điều lệ.

1.5. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với mục tiêu phát triển ngành đồ uống Việt Nam ngang tầm thế giới, nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cung cấp các sản phẩm đồ uống chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng, toàn thể cán bộ nhân viên và ban lãnh đạo Công ty luôn sẵn sàng hợp tác với các đơn vị, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi vì sự phát triển của các bên. Qua đó góp phần sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty luôn bám sát định hướng do Sabeco đề ra cũng như các đề án quy hoạch phát triển ngành của Bộ Công thương để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Định hướng những năm tiếp theo, sau khi khai thác hết công suất hiện tại của các nhà máy. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới nước giải khát.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng**

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. SMB luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

▪ **Đối với môi trường**

Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, chất thải nguy hại cũng được xử lý và được thu gom theo đúng qui định của pháp luật. SMB không bị xử phạt vì vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

▪ **Đối với vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm**

Công ty thực hiện tốt các qui định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008. 01 Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và 01 Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.

▪ **Đối với xã hội, cộng đồng**

Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí đáng kể để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ nạn nhân chất độc da cam, Xây dựng nhà tình nghĩa, Ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương, ...

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung có cơ cấu tổ chức như sau:

Trụ sở chính Công ty (Địa chỉ: Số 01 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

Chi nhánh Công ty:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên (Địa chỉ: Số 265 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên).

Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn (Địa chỉ: Văn phòng Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn, Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (Địa chỉ: Số 396 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên).

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành Công ty, các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ: Thông qua định hướng phát triển quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD; Quyết định sửa đổi bổ sung vốn điều lệ Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với số lượng thành viên ít nhất 05 người, nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Ban điều hành

Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện Pháp luật của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm kỳ 05 năm.

Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Tài chính, 02 Giám đốc Chi nhánh tại Phú Yên và Quy Nhơn có trách nhiệm giúp cho Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý SXKD, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương, hàng năm; Tham mưu cho Tổng Giám đốc xây dựng quy chế

trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh

Chịu trách nhiệm thu thập thông tin đánh giá thị trường, xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm; Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chính sách giá bán sản phẩm, quảng cáo, phương thức bán hàng, hỗ trợ khách hàng, các hợp đồng đại lý. Tư vấn cho khách hàng về sử dụng thiết bị bảo quản, kỹ thuật bán hàng, thông tin quảng cáo.

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về việc xây dựng kế hoạch mua sắm, cấp phát vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, dụng cụ sản xuất; Quản lý các kho vật tư, nguyên liệu, bia thành phẩm; Tham mưu và làm các thủ tục pháp lý trong việc ký kết, giám sát, thực hiện, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế với các nhà cung cấp.

Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính – kế toán. Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm; Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật - công nghệ, chất lượng sản phẩm, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh công nghệ; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Kiểm tra chất lượng sản phẩm, vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; Chủ trì và phối hợp các bộ phận liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng; Xây dựng, giám sát định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Phối hợp nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các bộ phận liên quan xây dựng và thực hiện nội dung chương trình đào tạo, tổ chức thi nâng bậc kỹ thuật cho công nhân hàng năm.

Phân xưởng Nấu – Lên men

Tổ chức thực hiện sản xuất theo kế hoạch; Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các quá trình sản xuất, thực hiện tốt các quy trình đã ban hành, bảo đảm ổn định chất lượng sản phẩm và thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng vật tư theo đúng định mức kinh tế - kỹ thuật; Vận hành máy móc thiết bị đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao.

Phân xưởng Chiết

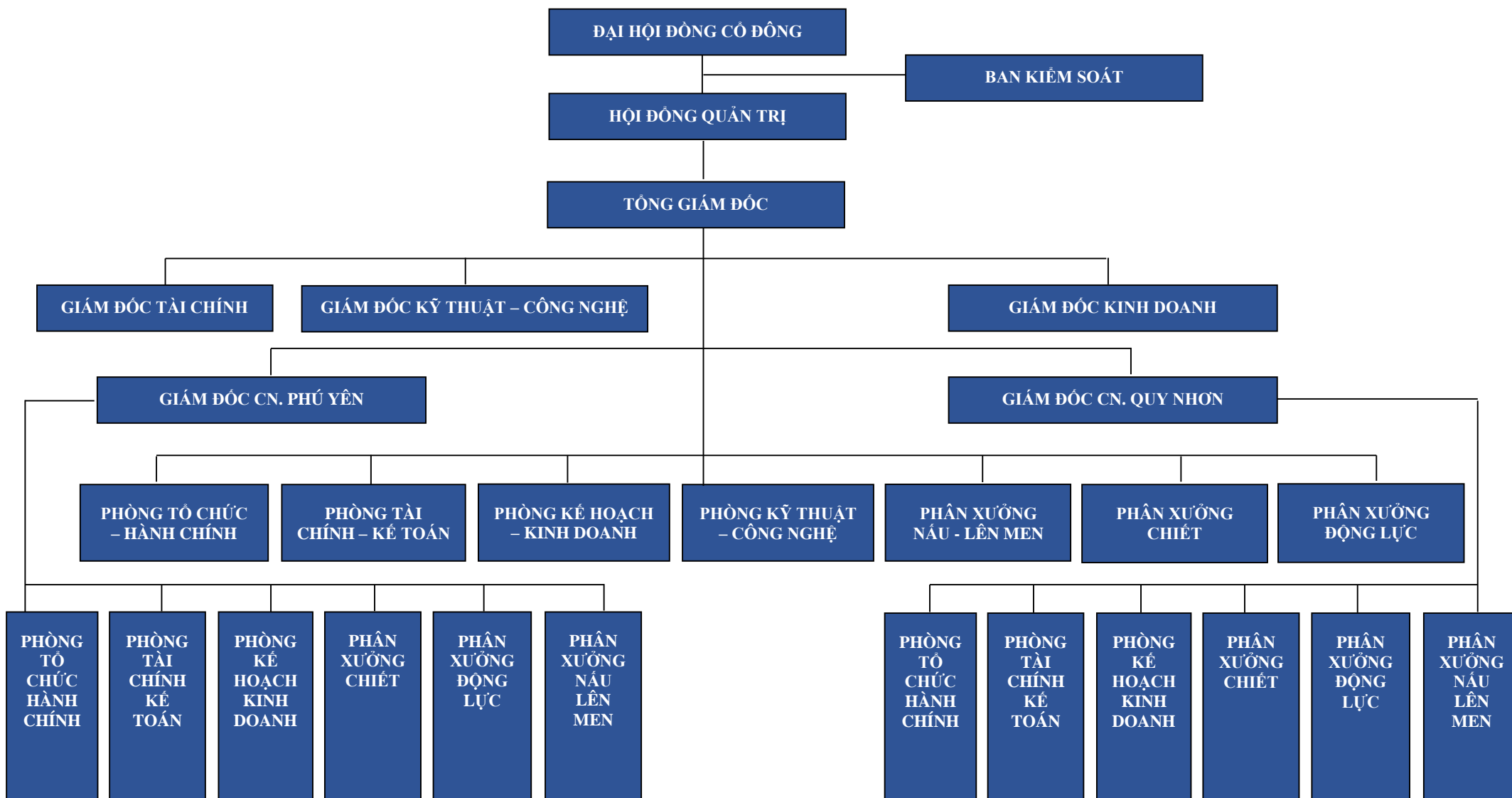
Thực hiện các công đoạn trong sản xuất: Chiết rót, hoàn thiện sản phẩm và nhập kho theo đúng quy trình công nghệ; Quản lý vận hành hệ thống thiết bị, nhà xưởng và các thiết bị khác trong phạm vi quản lý theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả cao.

Phân xưởng Động lực

Chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất và cung cấp hơi, cấp lạnh, khí nén, CO₂, nước sạch, điện và các dịch vụ khác cho sản xuất. Quản lý hồ sơ lý lịch hệ thống máy móc thiết bị; Xây dựng và thực hiện kế hoạch duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị; Sửa chữa, khắc phục kịp thời những hỏng hóc, sự cố máy móc thiết bị; Dự trù vật tư thay thế trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị; Thực hiện xử lý nước thải của quá trình sản xuất theo đúng quy trình công nghệ.

Các nhà máy sản xuất

Hiện Công ty có 03 nhà máy đặt tại Đắc Lắc, Quy Nhơn và Phú Yên. Nhiệm vụ của các đơn vị này là tổ chức thực hiện sản xuất các loại sản phẩm theo kế hoạch được giao phó và thực hiện các hoạt động khác theo nhiệm vụ mà lãnh đạo Công ty phân công.



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	0300583659	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	9.617.363	32,22%
2	Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt	0305376818	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	3.745.550	12,55%
3	Công ty TNHH MTV xõ số Kiến thiết Phú Yên	4400116969	204 Trần Hưng Đạo, Phường 4, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	1.602.940	5,37%
4	Capital Shine Limited	CA3453	9 North Buona Vista Drive # 12-01 The Metropolis Tower 1, Singapore, 138588	1.587.271	5,32%
Tổng cộng				16.553.124	55,46%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tính đến ngày 15/03/2018.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000233 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 09 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, tính đến nay đã hơn 9 năm hoạt động, do đó quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực (*Căn cứ theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014*).

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2018

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
I	Cổ đông trong nước	1.965	28.163.904	94,36%
1	Tổ chức	14	16.655.153	55,80%
2	Cá nhân	1.951	11.508.751	38,56%
II	Cổ đông nước ngoài	19	1.682.744	5,64%

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổ chức	2	1.588.171	5,32%
2	Cá nhân	17	94.573	0,32%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		1.984	29.846.648	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tính đến ngày 15/03/2018.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

5.2. Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết

Tên Công ty : **Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn**

Địa chỉ : Văn phòng Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn, Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Số giấy CNĐKDN : 4101496141 cấp ngày 20/09/2017

Vốn điều lệ : 23.036.081.821 đồng

Ngành nghề kinh doanh : Bán buôn đồ uống (bia, rượu, nước giải khát các loại),...

Vốn góp của SMB : 23.036.081.821 đồng, tỷ lệ 100% VDL

Thời điểm góp đủ vốn tại công ty con: 31/12/2017.

Hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính. Ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn đồ uống (các loại bia, rượu, nước giải khát). Hiện tại đảm nhiệm công tác tiêu thụ chủ yếu các sản phẩm tự doanh của Nhà máy Quy Nhơn như Bia Qui Nhơn, Bia Lowen pils, Bia tươi.

Mục đích hoạt động của Công ty con là nâng cao lợi nhuận hoạt động tiêu thụ các sản phẩm bia tự doanh tại thị trường tiêu thụ chủ yếu là Bình Định và Phú Yên.

Kết quả hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2017. Khả năng tiêu thụ bình quân một năm như sau:

- Bia Qui Nhon: 40 triệu lít;
- Bia Lowen Pils: 4 triệu lít;
- Bia hơi Quy Nhon: 1 triệu lít.

Kết quả hoạt động của Công ty con:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý IV/2017	KH năm 2018	Thực hiện 31/05/2018	Tỷ lệ so với KH
1	Sản lượng tiêu thụ	Tr.Lít	9,32	30,00	14,97	49,90%
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đồng	82,25	281,75	132,50	47,03%
3	Nộp ngân sách	Tỷ.đồng	0,53	1,79	1,60	89,39%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	0,87	2,15	1,90	88,37%

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung

5.3. Những Công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Tên Công ty : **Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên**
 Địa chỉ : 396 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
 Số giấy CNĐKDN : 4400117828 cấp ngày 11/10/2006
 Vốn điều lệ : 6.020.800.000 đồng
 Ngành nghề kinh doanh : In ấn (In các loại ấn phẩm trừ các loại hình in Nhà nước cấm),...
 Vốn góp của SMB : 1.205.180.000 đồng, tỷ lệ 20,02% VDL

Quyền kiểm soát, chi phối của SMB đối với Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên thông qua Ông Huỳnh Văn Dũng (TV HĐQT kiêm TGD của SMB) đang là TV HĐQT tại Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên.

5.4. Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty

Bia là sản phẩm chủ lực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu, các loại sản phẩm khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Các dòng sản phẩm:

- Bia hợp tác sản xuất:
 - Bia chai Sài Gòn 355ml;
 - Bia chai Sài Gòn 450ml;

- Bia chai Sài Gòn Lager 355ml;
- Bia lon Lager 330ml.
- Bia tự sản xuất:
 - Bia chai Lowen Pils 330ml;
 - Bia chai Quy Nhơn 330ml;
 - Bia hơi.
- Sản phẩm khác: Nước uống đóng chai Serepok, Sapy; Nước ngọt Pepsi,...

Thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại doanh thu chính cho Công ty là sản phẩm bia các loại bao gồm bia hợp tác sản xuất, bia tự sản xuất. Dựa trên những sản phẩm này Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm nữa nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng đồng thời đưa thương hiệu Sabeco giữ vững vị trí là một trong các thương hiệu dẫn đầu trong thị trường bia – rượu – nước giải khát.

Hiện Công ty đang vận hành 03 nhà máy với công suất thiết kế như sau:

Bảng 8. Công suất các Nhà máy của Công ty

STT	Nhà máy	ĐVT	Công suất
1	Nhà máy Đắc Lắc	Triệu lít/năm	70
2	Nhà máy Quy Nhơn	Triệu lít/năm	50
3	Nhà máy Phú Yên	Triệu lít/năm	23

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung

Nhà máy Bia Sài Gòn – Đắc Lắc

- Tiền thân là CTCP Bia Sài Gòn – Đắc Lắc, nay là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung. Thành lập ngày 02/02/2005 với lĩnh vực kinh doanh chính là bia, rượu, cò, nước giải khát.
- Hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ Châu Âu. Năng lực sản xuất: 70 triệu lít bia/năm. Hàng ngày, nhà máy sản xuất trên 500.000 chai bia.
- Tổng giá trị đầu tư: Trên 620 tỷ đồng.
- Sản phẩm sản xuất: Bia Sài Gòn Export, Bia Sài Gòn Lager, Bia Serepok.
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008.

Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn

- Tiền thân là Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Quy Nhơn, nay là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung. Thành lập ngày 19/08/1995 với lĩnh vực kinh doanh chính là bia, rượu, cò, nước giải khát.
- Công suất thiết kế 50 triệu lít bia/năm với dây chuyền thiết bị hiện đại, tự động hóa nhiều khâu quan trọng.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008.
- Ngoài ra CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung còn thể sản xuất các sản phẩm nước giải khát với công suất 5 triệu lít/năm tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn.

Nhà máy Bia Sài Gòn – Phú Yên

- Tiền thân là CTCP Bia Sài Gòn – Phú Yên, nay là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung. Thành lập 1996 với lĩnh vực kinh doanh chính là bia, rượu, cồn, nước giải khát.
- Công suất thiết kế 23 triệu lít bia/năm với dây chuyền thiết bị hiện đại.

Nhà máy được trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Quarcert cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

Thông qua hệ thống các Công ty thương mại Bia Sài Gòn khu vực Bình Định, Đắc Lắc, Phú Yên và những tỉnh khu vực miền trung lân cận việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty được thực hiện nhịp nhàng, xuyên suốt. SMB luôn có kế hoạch cụ thể từ hoạt động sản xuất, lưu kho, chú trọng phối hợp cùng Công ty thương mại để phân phối sản phẩm nhằm đáp ứng đến mức tốt nhất nhu cầu tiêu thụ trong những mùa cao điểm cũng như tránh gây ra những tổn thất do bảo quản và tồn kho sản phẩm quá lâu. Cho đến thời điểm hiện tại, hệ thống phân phối và tiêu thụ sản phẩm của Công ty vẫn đang hoạt động ổn định góp phần vào việc thực hiện kế hoạch kinh doanh được Đại hội giao phó hàng năm.

6.2. Sản lượng sản phẩm dịch vụ qua các năm

Bảng 1. Sản lượng sản xuất một số sản phẩm chính của Công ty

Dạng sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Quý I/2018
Bia Sài Gòn	Tr.lít	106,7	109,8	120,4	36,2
+ Bia Sài Gòn 450	Tr.lít	77,1	63,5	48,2	12,6
+ Bia Sài Gòn Lager 355	Tr.lít	6,72	16,8	19,0	6,0
+ Bia Sài Gòn 355	Tr.lít	22,9	29,5	17,6	4,9
+ Bia lon Lager 330	Tr.lít	-	-	35,6	12,7
Bia tự doanh	Tr.lít	29,8	44,4	53,1	10,8
▪ Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,1	1,3	1,1	0,2
▪ Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	20,6	29,6	36,0	7,7
▪ Bia Hoi	Tr.lít	8,1	13,5	16,0	2,9
Nước uống đóng chai	Tr.lít	6,9	8,2	8,9	2,0
Gia công pepsi	Tr.lít	4,1	3,9	2,1	-

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

Bảng 2. Sản lượng tiêu thụ một số sản phẩm chính của Công ty

Dạng sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Quý I/2018
Bia Sài Gòn	Tr.lít	107,7	110,2	120,5	32,5
+ Bia Sài Gòn 450	Tr.lít	78	63,3	48,7	12,0
+ Bia Sài Gòn Lager 355	Tr.lít	6,4	16,9	18,9	5,6
+ Bia Sài Gòn 355	Tr.lít	23,3	30,0	17,5	4,8
+ Bia lon Lager 330	Tr.lít	-	-	35,4	10,1
Bia tự doanh	Tr.lít	29,6	44,2	54,5	10,8
▪ Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,1	1,3	1,1	0,2
▪ Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	20,4	29,5	36,4	7,7
▪ Bia Hoi	Tr.lít	8,1	13,4	17,0	2,9
Nước uống đóng chai	Tr.lít	6,9	8,2	8,9	2,0
Gia công pepsi	Tr.lít	4,1	3,9	2,1	-

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

Bia Sài Gòn những năm gần đây luôn là mảng sản phẩm chủ lực tại Công ty, đây là loại bia chiếm tỷ trọng sản lượng và doanh thu lớn nhất vì những lợi thế về thương hiệu, chất lượng ổn định, giá cả phù hợp nên được nhiều người tiêu dùng lựa chọn tiêu thụ, bên cạnh đó các dòng bia tự doanh của SMB cũng có sự phát triển đáng kể khi liên tục gia tăng sản lượng tiêu thụ ở hầu hết các dòng sản phẩm và được thị trường đón nhận tích cực. Đạt được những kết quả này, Công ty đã phải luôn bám sát kế hoạch sản xuất để kịp tiến độ giao hàng, nhận được sự hỗ trợ và phối hợp tốt từ các đơn vị thương mại và vận tải trong công tác giao nhận tạo được vòng tròn hiệu quả từ công đoạn sản xuất đến tiêu thụ.

Nước uống đóng chai là sản phẩm được tin dùng trong công tác hoạt động của các cơ quan, ban ngành, trường học, mặc dù chịu sự cạnh tranh lớn từ các sản phẩm khác với sự đa dạng về chủng loại, giá cả, chất lượng, ... Song Công ty vẫn giữ vững được năng suất tiêu thụ và đạt được sự tăng trưởng tích cực qua các năm. Mảng hoạt động gia công sản phẩm Pepsi mặc dù chiếm tỷ trọng thấp trong tổng sản lượng nhưng cũng đã góp phần vào việc khai thác hiệu quả công suất nhà máy qua đó tạo được công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Quý I/2018, hiện Công ty không còn thực hiện gia công Pepsi do sự thay đổi về chính sách kinh doanh của đối tác, theo đó với việc hoàn thành xây dựng nhà máy mới Suntory PepsiCo Việt Nam đã giảm đi lượng sản phẩm gia công thuê ngoài từ đó làm SMB không còn sản lượng mảng gia công Pepsi như trước đây.

Bảng 3. Doanh thu thuần theo sản phẩm (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu doanh thu thuần	Năm 2016		Năm 2017 (Riêng)		Quý I/2018 (Riêng)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bia các loại	802.910	98,66%	1.071.787	98,49%	272.527	99,41%
Nước uống đóng chai	4.094	0,51%	7.178	0,66%	1.615	0,59%
Gia công Pepsi	6.786	0,83%	9.304	0,85%	-	-
Tổng cộng	813.790	100%	1.088.269	100%	274.142	100%

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

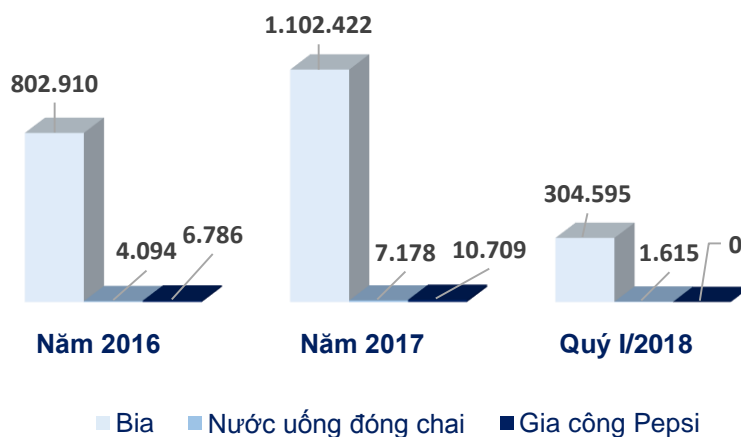
Bảng 4. Doanh thu thuần theo sản phẩm (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu doanh thu thuần	Năm 2016		Năm 2017 (Hợp nhất)		Quý I/2018 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bia các loại	802.910	98,66%	1.102.422	98,40%	304.595	99,47%
Nước uống đóng chai	4.094	0,51%	7.178	0,64%	1.615	0,53%
Gia công Pepsi	6.786	0,83%	10.709	0,96%	-	-
Tổng cộng	813.790	100%	1.120.309	100%	306.209	100%

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

**DOANH THU THUẦN THEO SẢN PHẨM
(ĐVT: Triệu đồng)**



Bảng 5. Lợi nhuận gộp theo sản phẩm (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu lợi nhuận gộp	Năm 2016		Năm 2017 (Riêng)		Quý I/2018 (Riêng)	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Bia các loại	194.591	23,91%	222.640	20,46%	52.529	19,16%
Nước uống đóng chai	1.916	0,24%	2.764	0,25%	416	0,15%
Gia công Pepsi	3.630	0,45%	3.776	0,35%	-	-
Tổng cộng	200.137	24,59%	229.180	21,06%	52.945	19,31%

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

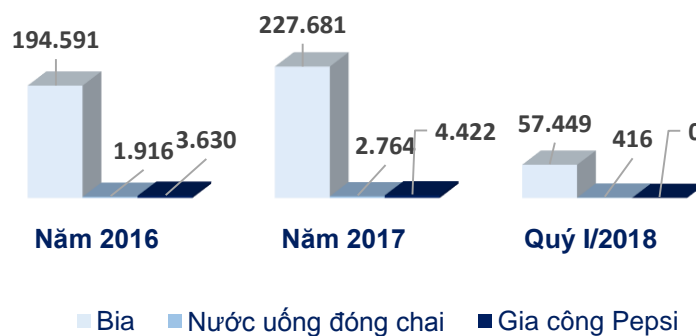
Bảng 6. Lợi nhuận gộp theo sản phẩm (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu lợi nhuận gộp	Năm 2016		Năm 2017 (Hợp nhất)		Quý I/2018 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Bia các loại	194.591	23,91%	227.681	20,32%	57.449	18,76%
Nước uống đóng chai	1.916	0,24%	2.764	0,25%	416	0,14%
Gia công Pepsi	3.630	0,45%	4.422	0,39%	-	-
Tổng cộng	200.137	24,59%	234.868	20,96%	57.866	18,90%

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

LỢI NHUẬN GỘP THEO SẢN PHẨM
(ĐVT: Triệu đồng)



6.3. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất ra bia của Công ty là malt, gạo, hoa houblon. Ngoài ra kết hợp với các nguyên liệu chính để tạo nên sản phẩm còn có nhiều loại nguyên vật liệu phụ khác như Caramen, bột trợ lọc, Vicant, xút, keo,...

SMB là đơn vị liên kết trong hệ thống Sabeco, chính vì thế nguyên liệu dùng cho việc sản xuất kinh doanh sẽ có liên quan với Tổng công ty thông qua các hợp đồng cung cấp nguyên liệu ký kết hàng năm. Hiện nay, Bia Sài Gòn – Miền Trung tự chủ được nguồn nguyên liệu là gạo, hoa houblon và malt chủ yếu được cung cấp bởi Sabeco, vì vậy nguồn nguyên liệu phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty được đánh giá là ổn định do Tổng công ty nhập khẩu từ các nước châu Âu. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Tổng công ty luôn bảo đảm nguồn hàng ổn định, chất lượng tốt, đúng thời hạn và đều là những nhà cung cấp nguyên vật liệu truyền thống, có năng lực và uy tín, gắn bó từ nhiều năm.

Tuy nhiên, nguyên vật liệu là thành phần chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá vốn, bên cạnh đó cùng với việc sản lượng hoa houblon và malt trong thời gian tới nhiều khả năng sẽ sụt giảm do yếu tố mùa vụ, điều này ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Bia Sài Gòn – Miền Trung sẽ tiếp tục tích cực theo dõi diễn biến của thị trường nguyên vật liệu từ đó xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm phù hợp với từng thời kỳ, chủ động chốt các hợp đồng dài hạn với nguồn cung cấp, cân nhắc các phương án bảo hiểm biến động giá nguyên liệu nhằm đảm bảo được sự ổn định chi phí sản xuất.

6.4. Chi phí sản xuất

Bảng 7. Chi phí sản xuất của Công ty (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu chi phí	Năm 2016		Năm 2017 (Riêng)		Quý I/2018 (Riêng)	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	615.023	74,97%	860.042	78,90%	222.794	80,72%
Chi phí tài chính	5.623	0,69%	3.948	0,36%	2.087	0,76%
Chi phí bán hàng	35.014	4,27%	34.735	3,19%	4.573	1,66%
Chi phí QLDN	59.507	7,25%	64.562	5,92%	16.597	6,01%
Chi phí khác	6.666	0,81%	10.788	0,99%	2.170	0,79%
Tổng cộng	721.833	87,98%	974.075	89,36%	248.221	89,93%

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), BCTC Quý I/2018 (Riêng) của SMB

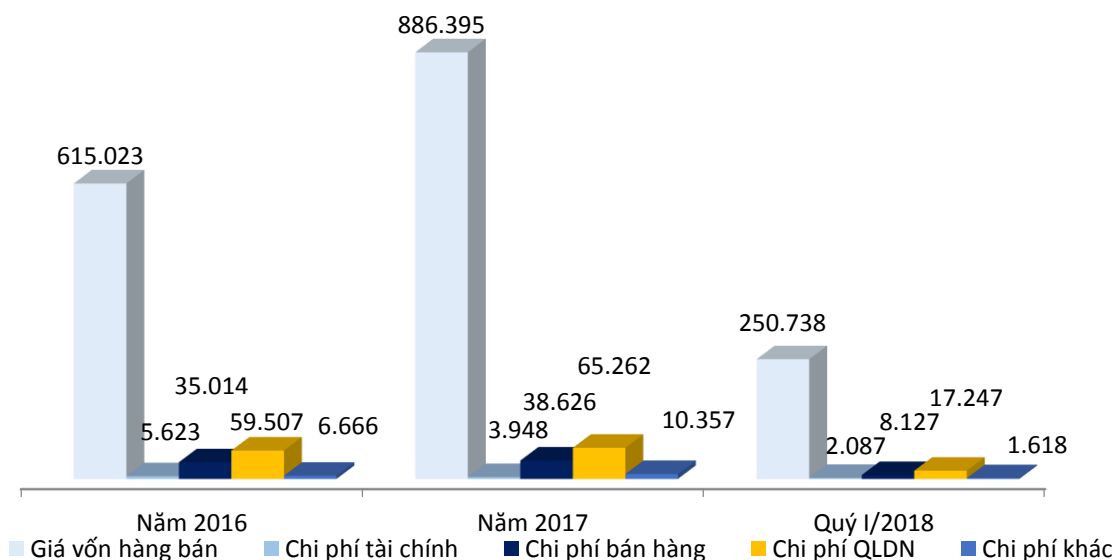
Bảng 8. Chi phí sản xuất của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu chi phí	Năm 2016		Năm 2017 (Hợp nhất)		Quý I/2018 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	615.023	74,97%	886.395	78,99%	250.738	81,04%
Chi phí tài chính	5.623	0,69%	3.948	0,35%	2.087	0,67%
Chi phí bán hàng	35.014	4,27%	38.626	3,44%	8.127	2,63%
Chi phí QLDN	59.507	7,25%	65.262	5,82%	17.247	5,57%
Chi phí khác	6.666	0,81%	10.357	0,92%	1.618	0,52%
Tổng cộng	721.833	87,98%	1.004.588	89,53%	279.817	90,44%

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), BCTC Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

CHI PHÍ SẢN XUẤT (ĐVT: Triệu đồng)



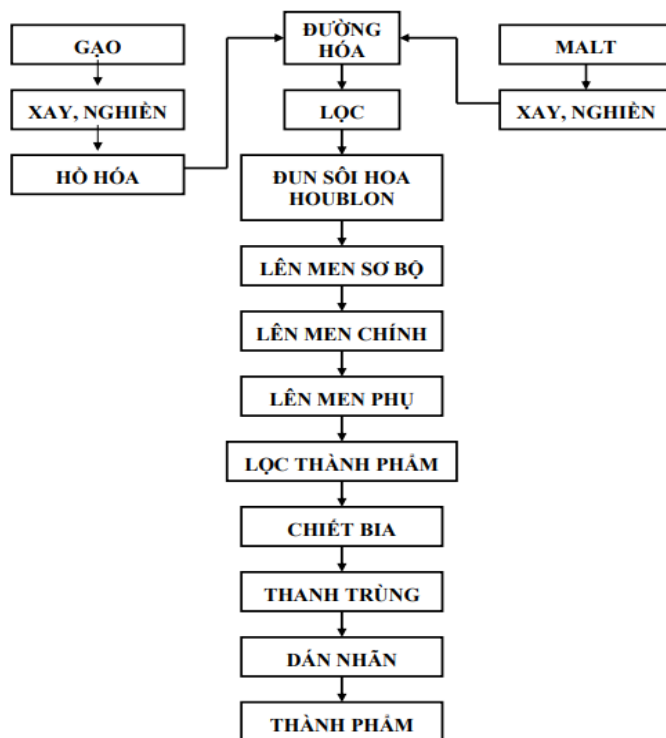
Cơ cấu chi phí không có nhiều thay đổi trong những năm qua, Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí, cùng với đó thì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp các loại này đang có xu hướng tăng dần, chủ yếu do SMB gia tăng sản lượng sản xuất và đẩy mạnh công tác tiêu thụ ở hầu hết các sản phẩm. Chi phí tài chính có sự giảm đáng kể trong đó lớn nhất chi phí lãi vay do Công ty đã trả đi bớt các khoản vay Ngân hàng. Cuối cùng do chi phí dự phòng phải trả thuế tiêu thụ đặc biệt đã được SMB tạm nộp đến cục thuế tỉnh Đắk Lắk đã làm chi phí khác có sự sụt giảm đáng kể trong giai đoạn trên.

6.5. Trình độ công nghệ

Quá trình sản xuất bia nhìn chung khá phức tạp, trải qua nhiều công đoạn và cần có sự tham gia của các nguyên vật liệu với một tỷ lệ bắt buộc tuân theo các tiêu chuẩn chặt chẽ được quy định từ đó cho ra một loại thức uống chất lượng, có hương thơm đặc trưng. Vì là loại thức uống đã trải qua quá trình lên men nên bia nếu được uống với một liều lượng thích hợp sẽ có tác động tích cực đến sức khỏe của người tiêu dùng.

Thành phần chính của bia gồm: malt, hoa Houblon, gạo, nước và men; Các thành phần này đã tham gia vào quy trình sản xuất bia tại các công đoạn chính như sau:

- **Nấu:** Trong quá trình này, malt sau khi được nghiền sẽ được đường hóa trong “nồi nấu malt”. Gạo sẽ được hồ hóa và cùng trộn với malt trong nồi nấu để cùng đường hóa trước khi được bơm sang nồi lọc. Tại nồi lọc, hỗn hợp trên sẽ được lọc hết chất lỏng ra khỏi trấu cũng như các chất xơ và mầm để lấy hết lượng đường còn bám vào trong trấu. Dịch đường này sẽ được đun sôi và houblon hóa nhằm trích ly chất đắng, tinh dầu thơm, polyphenol, các hợp chất chứa nitơ và các thành phần khác của hoa houblon vào dịch đường để biến đổi nó thành dịch đường có vị đắng và hương thơm dịu của hoa. Sau quá trình đun sôi và houblon hoá kết thúc thì toàn bộ lượng oxy đã bay ra ngoài theo hơi nước và trong dịch đường có rất nhiều cặn. Do đó dịch đường cần được bơm qua bồn lắng cặn theo phương pháp lắng xoáy để tách cặn trước khi đưa qua bộ phận làm lạnh nhanh, đưa nhiệt độ xuống đến mức cần thiết phù hợp với nhiệt độ lên men.
- **Lên men:** Sản phẩm ở giai đoạn nấu là dịch đường houblon dưới tác động của nấm men sẽ hóa thành bia. Có thể chia quá trình lên men thành hai giai đoạn: quá trình lên men chính nhằm thay đổi lớn về lượng và biến đổi sâu sắc về chất trong các cấu tử hợp thành chất hoà tan của dịch đường; Quá trình lên men phụ nhằm chuyển hoá hết phần đường có khả năng lên men còn tồn tại trong bia non, đồng thời làm ổn định thành phần và tính chất cảm quan của sản phẩm.
- **Làm trong bia:** Đây là quá trình tách các hạt dạng keo, nấm men sót, các phức chất protein – polyphenol, và nhiều loại hạt ly ty khác để tăng thời gian bảo quản và lưu hành sản phẩm trên thị trường, tăng giá trị cảm quan về độ trong suốt của bia.
- **Đóng gói:** Để lưu trữ, vận chuyển và phân phối đến người tiêu dùng, bia được chiết rót vào chai, sau đó được thanh trùng bằng nhiệt nhằm tiêu diệt hoàn toàn các tế bào còn sống, vi sinh vật có hại ảnh hưởng đến tuổi thọ sản phẩm.



6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong suốt thời gian từ lúc thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Bia Sài Gòn – Miền Trung luôn cố gắng chuẩn hóa các công đoạn trong quá trình sản xuất, có sự chủ động đầu tư tài sản cố định và máy móc thiết bị với công nghệ tốt để có thể tối ưu hóa năng suất toàn hệ thống hoạt động. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới cũng được phòng công nghệ - kỹ thuật công ty chú trọng nhằm chuẩn bị nguồn lực khai thác nhu cầu người tiêu dùng khi thích hợp. Kết quả cho thấy doanh thu các loại bia tự doanh của SMB (Bia Lowen Pils, Bia Quy Nhơn, Bia hơi) qua các năm luôn giữ vị trí quan trọng trong tổng cơ cấu chỉ sau doanh thu mang lại từ các loại bia Sài Gòn. Trong thời gian tới, Công ty tạm thời sẽ duy trì, phát triển các sản phẩm tự nghiên cứu, sản xuất hiện có như Bia Lowen Pils, Bia Quy Nhơn, Bia hơi, việc tung ra thị trường sản phẩm mới sẽ được SMB cân nhắc đầu tư thực hiện khi thích hợp.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung hiện nay tuân thủ Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, sự thật cho thấy những hệ thống này đã và đang phát huy được hiệu quả trong các công tác quản lý của Công ty. Các sản phẩm của SMB luôn đạt chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của thương hiệu bia Sabeco được Tổng Công ty kiểm soát chặt chẽ về chất lượng trước khi tiêu thụ.

Đây là một trong các yếu tố góp phần vào việc thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của SMB, vì thế trong thời gian tới Công ty vẫn sẽ tiếp tục duy trì thực hiện đúng yêu cầu của các hệ thống quản lý này nhằm giữ vững năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường xung quanh khu vực hoạt động, qua đó nâng cao niềm tin của người tiêu dùng

đối với các sản phẩm SMB cung cấp và uy tín của Bia Sài Gòn – Miền Trung trong hệ thống Sabeco.

6.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing của Công ty được đầu tư bài bản và dài hạn cho công tác quảng bá, truyền thông nhằm đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với xu thế thị trường. Công ty thực hiện chủ trương đồng hành cùng các công ty thương mại của Tổng Công ty, chủ động phối kết hợp với công ty thương mại kết nối với các tổ chức chính trị xã hội địa phương để đẩy mạnh tiêu thụ nước uống đóng chai qua đó cố gắng phát triển thị trường theo hướng bền vững. Cùng với các công ty thương mại khu vực và Ban Marketing Tổng Công ty thực hiện tốt các chương trình quảng bá tiêu thụ bia Sài Gòn.

Trong các năm tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược đồng bộ về thị trường mục tiêu, giá cả, hỗ trợ quảng cáo. Quảng bá thương hiệu luôn đi cùng và định hướng cho các hoạt động hỗ trợ bán hàng và sau bán hàng nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và khẳng định thương hiệu của CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung.

Thực hiện tiếp thị thường xuyên, duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống, tăng cường quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, truyền hình và các tạp chí trong ngành, hoặc các tặng phẩm mang thương hiệu Công ty, mở các chương trình khuyến mãi rộng rãi ở những đại lý.

Xây dựng và thực hiện các chương trình Marketing, các hoạt động PR, ... có chọn lọc, hiệu quả nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh thương hiệu sản phẩm, thu hút và kích thích người tiêu dùng sử dụng sản phẩm.

Chính sách bán hàng và Hệ thống phân phối:

- Hiện Công ty đang có 03 nhà máy (nhà máy bia Đắc Lắc, Phú Yên và Quy Nhơn), 02 chi nhánh (Phú Yên và Quy Nhơn) và hệ thống kênh phân phối là các công ty thương mại của Tổng Công ty rộng khắp, cùng công ty con thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ sản phẩm bia tự doanh, những yếu tố này đã giúp cho các sản phẩm của Công ty không chỉ được tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung mà còn tại khắp các tỉnh thành trong cả nước.
- Bên cạnh đó Công ty cũng phối hợp chặt chẽ với Công ty thương mại để đẩy mạnh hoạt động giao nhận hàng, đơn đốc và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các chi nhánh thương mại nhận đủ kế hoạch tuần đã thông báo
- Thường xuyên theo dõi bám sát, có chính sách hợp tác và phối hợp cùng với các đơn vị vận tải để cùng nhau tháo gỡ các khó khăn trong công tác vận chuyển, giao nhận kết vỏ chai kịp thời phục vụ cho sản xuất, nhằm đẩy mạnh công tác tiêu thụ Bia Sài Gòn.

6.9. Nhận hiệu thương mại

Logo Công ty:



6.10. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2017, 2018

Bảng 9. Các hợp đồng đang thực hiện và đã được ký kết Công ty

STT	Số hợp đồng	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Nội dung hợp đồng	Trị giá HĐ tạm tính (đồng)
I	Hợp đồng mua hàng				
1	12/2017	Công ty TNHH TM&VT Thái Tân	Năm 2017	Hợp đồng mua Nguyên vật liệu và hóa chất	11.662.781.000
2	11.2017/HTSX-MH	Tổng công ty CP Bia Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	Năm 2017	Hợp đồng mua Nguyên vật liệu và hóa chất và kiểm soát sản xuất	249.208.100.765
3	11.2017/HTSX-MH	Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Năm 2017	Hợp đồng mua nguyên vật liệu, hóa chất và kiểm soát sản xuất	249.208.100.765
4	23/HĐKT-SGMT/NH 2017	Công ty TNHH TM Ngọc Hoàng	Năm 2017	Hợp đồng mua Gạo nấu bia	1.660.000.000
5	32/HĐKT-SGMT/PH 2017	Công ty TNHH TM Phục Hưng	Năm 2017	Hợp đồng mua Gạo nấu bia	1.720.000.000
6	36/HĐKT-SGMT/ĐT 2017	Công ty TNHH Đại Thịnh	Năm 2017	Hợp đồng mua Gạo nấu bia	4.100.000.000
7	17/2018	Công ty TNHH TM&VT Thái Tân	Năm 2017	Hợp đồng mua nguyên vật liệu và hóa chất	12.767.292.450
8	15/2018	Công ty TNHH TM&VT Thái Tân	Năm 2017	Hợp đồng mua bán Malt	13.090.000.000
9	16/2018	Công ty TNHH TM&VT Thái Tân	Năm 2018	Hợp đồng mua bán Houblon	1.155.000.000
Cộng					544.571.274.980
II	Hợp đồng bán hàng				
1	11/2017/HĐ/BSG-TM-HTSX	Tổng công ty CP Bia Rượu – Nước giải khát Sài Gòn và Công ty TNHH 1TV TM Bia Sài Gòn	Năm 2016	Hợp tác sản xuất và mua bán Bia Sài Gòn	933.829.527.664

STT	Số hợp đồng	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Nội dung hợp đồng	Trị giá HĐ tạm tính (đồng)
2	05/SGMT/HĐKT/2017	Công ty CPTM TH An Hưng	Năm 2016	Hợp đồng bán bia tươi SG-DL	15.656.810.000
3	11/2018/HĐ/BSG-TM-HTSX	Tổng công ty CP Bia Rượu – Nước giải khát Sài Gòn và Công ty TNHH 1TV TM Bia Sài Gòn	Năm 2017	Hợp tác sản xuất và mua bán Bia Sài Gòn	1.303.420.892.015
4	38a/SGMT/HĐKT/2017	Công ty CPTM TH An Hưng	Năm 2017	Hợp đồng mua bán bia tươi SG-DL năm 2018	17.300.009.100
5	17/2018/SGMT/HĐMR	Công ty CP TM-TH An Hưng	Năm 2018	Hợp đồng mua bán rượu Serepok 2018	1.787.500.000
Cộng					2.275.033.899.777
Tổng cộng					2.819.605.174.757

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất

Bảng 10. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017 (Riêng)	% Tăng / Giảm	Quý I/ 2018 (Riêng)
1	Tổng giá trị tài sản	646.648	760.330	17,58%	811.566
2	Doanh thu thuần	820.406	1.090.090	32,87%	276.020
3	Giá vốn hàng bán	615.023	860.042	39,84%	222.794
4	Lợi nhuận gộp	205.383	230.048	12,01%	53.225
5	Doanh thu hoạt động tài chính	389	8.416	2063,50%	90
6	Chi phí tài chính	5.623	3.948	-29,79%	2.087
7	Chi phí bán hàng	35.014	34.735	-0,80%	4.573
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.507	64.562	8,49%	16.597
9	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	105.628	135.219	28,01%	30.059
10	Lợi nhuận khác	24.917	24.569	-1,40%	5.055
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	130.545	159.787	22,40%	35.115

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017 (Riêng)	% Tăng / Giảm	Quý I/ 2018 (Riêng)
12	Chi phí thuế TNDN	26.434	32.185	21,76%	7.044
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	103.677	127.259	22,75%	28.071
14	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng)	2.485	4.264	71,59%	941

Nguồn: BCTC năm 2016, năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 11. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017 (hợp nhất)	% Tăng/Giảm	Quý I/2018 (hợp nhất)
1	Tổng giá trị tài sản	646.648	758.517	17,30%	818.435
2	Doanh thu thuần	820.406	1.122.130	36,78%	309.390
3	Giá vốn hàng bán	615.023	886.395	4,12%	250.738
4	Lợi nhuận gộp	205.383	235.735	14,78%	58.651
5	Doanh thu hoạt động tài chính	389	7.538	1837,79%	92
6	Chi phí tài chính	5.623	3.948	-29,79%	2.087
7	Chi phí bán hàng	35.014	38.626	10,32%	8.127
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.507	65.262	9,67%	17.247
9	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	105.628	135.437	28,22%	31.283
10	Lợi nhuận khác	24.917	24.570	-1,39%	5.055
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	130.545	160.007	22,57%	36.338
12	Chi phí thuế TNDN	26.434	32.421	22,65%	7.288
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	103.677	127.259	22,75%	29.050
14	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng)	2.485	4.264	71,59%	973

Nguồn: BCTC năm 2016, năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

Tình hình hoạt động kinh doanh của SMB trong những năm qua cho thấy lợi nhuận Công ty đều tăng trưởng ổn định. Trong năm 2017, doanh thu thuần của Công ty đạt 1,122 tỷ đồng tăng 36,78% so với năm 2016, lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng tăng tương ứng 22,75%, đạt giá trị 127 tỷ đồng. Nguyên nhân, với thị trường tiêu thụ tương đối tốt trong năm 2017 dẫn đến sản lượng bia tiêu thụ của SMB tăng so với năm 2016. Trong Quý I/2018, lợi nhuận sau thuế tăng 227% so với cùng kỳ năm 2017 do sản lượng tiêu thụ Bia Quý I/2018 tăng so với cùng kỳ, đặc biệt là sản lượng Bia tự doanh tăng cao góp phần làm cho lợi nhuận gộp tăng.

Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết:**➤ Sự kiện liên quan đến ý kiến kiểm toán:**

Năm 2011 và 2012, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung chưa nộp đủ số tiền thuế TTĐB và tiền phạt do chậm nộp thuế đã phát sinh. Vấn đề này đã được SMB phối hợp với Cục thuế tỉnh Bình Định xin chủ trương Bộ Tài chính và Tổng cục thuế miễn phạt chậm nộp thuế do thuộc trường hợp được gia hạn nộp thuế TTĐB trong khoảng thời gian này theo công văn số 2326/UBND-TH ngày 26/07/2011 (trong giai đoạn này trụ sở chính của SMB đặt tại Bình Định).

Theo Quyết định số 991/QĐ-CT ngày 10/06/2016 của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc yêu cầu SMB tiến hành tạm nộp số tiền phạt và khoản thuế TTĐB nộp chậm với giá trị là 13.462.481.467 đồng (thời điểm này Công ty đã hoàn hành thay đổi đăng ký kinh doanh chuyển trụ sở chính về Đắk Lắk). Trường hợp Chính phủ đồng ý miễn phạt thuế thì Cục thuế tỉnh Đắk Lắk sẽ hoàn trả lại. Đến hiện nay, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ này và đang chờ quyết định từ Thủ tướng Chính phủ về vấn đề trên.

➤ Ý kiến kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đã đưa ra vấn đề cần nhấn mạnh:

- Lưu ý trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán (năm 2015, 2016 và Bán niên 2017) trong đó mô tả sự không chắc chắn về việc liệu Công ty có được miễn khoản phạt chậm nộp thuế TTĐB năm 2011 và 2012 theo Công văn số 2326/UBND-TH ngày 26/07/2011 của UBND tỉnh Bình Định (trong giai đoạn văn phòng chính Công ty đặt tại khu công nghiệp Phú Tài – Tp. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định) với số tiền 13.462.481.467 đồng hay không. Áp dụng nguyên tắc thận trọng của kế toán trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2015, Công ty đã thực hiện lập dự phòng với tỷ lệ 100% cho nghĩa vụ nợ phải trả chưa chắc chắn trong tương lai với số tiền 13.462.481.467 đồng.

➤ Hướng khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết:

Như đã trình bày, năm 2015 Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải trả liên quan đến khoản tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB nói trên với mức trích lập là 100% trên cơ sở xem xét thận trọng tình hình tài chính và việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty thông qua. Theo đó số tiền Công ty đã thực hiện trích lập là 13.462.481.467 đồng.

➤ Cập nhật thông tin về khoản thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2011-2012:

Tại thời điểm báo cáo, các hồ sơ xin miễn khoản phạt chậm nộp thuế này đã được Văn phòng Chính phủ giao cho Bộ Tài chính làm rõ các nguyên nhân để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Công ty đang đợi quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ về số tiền chậm nộp thuế TTĐB nêu trên.

7.1. Những thuận lợi và khó khăn

➤ **Khó khăn:**

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung là một trong những công ty liên kết của Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn nên kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào việc giao kế hoạch sản lượng cũng như việc giao hàng của Tổng Công ty.
- Trong những năm qua, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn rất khó khăn và diễn biến phức tạp, đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế trong nước và tác động trực tiếp đến doanh nghiệp. Tình hình cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh bia diễn ra gay gắt, giá xăng dầu, chi phí vận chuyển tuy có giảm nhưng giá điện, nước, chi phí nhân công tăng làm giá thành cao, sức mua giảm.
- Ngày càng nhiều hãng bia ngoại gia nhập vào thị trường Việt Nam với những chính sách quảng cáo và bán hàng thu hút người tiêu dùng đã làm gia tăng áp lực cạnh tranh của Công ty với các hãng này.
- Các khuyến cáo về sức khỏe có thể làm ảnh hưởng ít nhiều đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Công ty vẫn còn bị phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu như malt (hạt đại mạch), hoa cao houblon ... được phân phối từ Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco). Tuy việc sử dụng cùng một nguồn nguyên liệu này giúp cho sản phẩm được đồng nhất về chất lượng nhưng cũng khiến Công ty khó chủ động về chi phí đầu vào.
- Lộ trình tăng thuế Tiêu thụ đặc biệt từ 55% lên 60% từ ngày 01/01/2017 và lên 65% từ ngày 01/01/2018.
- Thị trường có xu hướng tiêu thụ sản phẩm bia lon trong khi đó sản phẩm bia chai của 03 nhà máy vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng sản xuất.

➤ **Thuận lợi:**

- Với lịch sử hơn 140 năm hoạt động, Bia Sài Gòn đã trở thành thương hiệu hàng đầu trong ngành bia rượu và nước giải khát. Các nhãn hiệu Bia 333, Bia Sài Gòn Lager, Sài Gòn Export và Sài Gòn Special chiếm trọn phân khúc bia phổ thông, được trên 90% người tiêu dùng Việt Nam nhận biết và ưa chuộng bởi chất lượng sản phẩm, hương vị bia đậm đà hợp thị hiếu, giá cả hợp lý là thế mạnh về thương hiệu, khẳng định giá trị của Bia Sài Gòn.
- Ngành công nghiệp sản xuất bia trên thế giới vẫn đang giữ mức tăng trưởng khá đạt mức 3,7%/năm. Ngành Bia Việt Nam đang được các tổ chức nghiên cứu về đồ uống thế giới đánh giá cao với mức độ tăng trưởng ấn tượng và là thị trường tiềm năng.

Đặc biệt, ngày 12/09/2016 vừa qua, Bộ Công thương đã ra Quyết định số 3690/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Bia, Rượu, Nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035. Theo đó: Xây dựng ngành Bia, Rượu, Nước giải khát Việt Nam thành ngành công nghiệp hiện đại, xứng đáng với vị trí, vai trò trong nền kinh tế, có thương hiệu mạnh trên thị trường, sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng về chủng

loại, mẫu mã, bảo đảm an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng, cạnh tranh tốt trong quá trình hội nhập, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Cụ thể, Bộ Công thương đặt mục tiêu đến năm 2020 sản lượng sản xuất đạt 4,1 tỷ lít bia, năm 2025 sản lượng sản xuất là 4,6 tỷ lít bia và đến năm 2035 sản lượng phải đạt 5,5 tỷ lít với sản phẩm xuất khẩu đạt hàng trăm triệu đô la.

Bộ Công thương cũng đưa ra hệ thống các giải pháp và chính sách quy hoạch để thực hiện mục tiêu đề ra. Bộ Công thương không khuyến khích đầu tư mới các nhà máy quy mô dưới 50 triệu lít/năm. Không cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án quy mô quá nhỏ và các dự án áp dụng công nghệ lạc hậu, không đảm bảo VSATTP hoặc các dự án không đầu tư hệ thống xử lý nước thải. Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tiếp tục xây dựng và phát triển một số thương hiệu bia mạnh tầm quốc gia

- Với hệ thống thiết bị hiện đại, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo cùng trên 500 cán bộ công nhân viên, trong đó phần lớn là cán bộ, nhân viên, kỹ sư, công nhân đa ngành nghề, luôn được bổ sung những kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến, chính là sức mạnh giúp Công ty sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách trong giai đoạn Việt Nam bước vào hội nhập kinh tế quốc tế. Chính vì vậy, Công ty không ngừng phát triển trên thị trường, luôn chú ý nâng cao chất lượng và độ ổn định của sản phẩm, cải thiện đổi mới đa dạng hóa sản phẩm, không ngừng nâng công suất bia lên xấp xỉ 200 triệu lít bia/năm và đã được sự mến mộ của hàng triệu người tiêu dùng trong nước cũng như quốc tế. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quản lý chất lượng sản phẩm ISO 9001 : 2008 cho lĩnh vực sản xuất bia và nước giải khát.

7.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Hoạt động kinh doanh

- Trong những năm qua kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, kinh tế trong nước đối mặt với nhiều khó khăn thách thức bởi diễn biến phức tạp của khí hậu, thiên tai, hạn hán kéo dài ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long và sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 04 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế - xã hội nước ta dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa nói chung trên thị trường thấp, nhất là các mặt hàng không thiết yếu như rượu, bia. Từ đó ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty những năm qua. Để khắc phục những tác động trên Công ty tập trung nhiều hơn vào công tác tiêu thụ, thị trường nhờ vậy đã góp phần cải thiện đáng kể kết quả kinh doanh.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung đang kinh doanh 03 dòng sản phẩm là: bia, rượu và nước giải khát. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là doanh thu từ sản phẩm bia, được sản xuất tại 03 nhà máy với công suất từ 50 triệu lít/năm trở lên. Mỗi nhà máy đều đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng ở từng khu vực. Tuy vậy vẫn có những thời điểm tùy theo tình hình thị trường thực tế mà Công ty sẽ kịp thời đề nghị Tổng công ty điều phối sản lượng giữa hai nhà máy Đắk Lắk và nhà máy Quy Nhơn

- Công ty chủ động, tích cực thực hiện những biện pháp tích cực như dự báo và chốt giá thời điểm để mua vật tư đầu vào với giá tốt nhất, sử dụng các vật tư nguyên vật liệu thay thế có giá thành thấp hơn, tiết kiệm chi phí trong sản xuất và mua sắm

➤ **Hoạt động sản xuất**

- Thực hiện nghiêm túc hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động an toàn, sản xuất liên tục thông suốt, cung cấp đầy đủ và kịp thời cho Sabeco; đồng thời tận dụng tối đa phần công suất thừa để sản xuất các loại bia tự doanh và gia công nước giải khát Pepsi theo nhu cầu của thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo đúng quy trình sản xuất đã ban hành, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Sabeco. Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong SXKD và công tác quản lý.

➤ **Hoạt động nhân sự, tiền lương**

Công ty trả lương cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Tuân thủ đúng các điều kiện về lao động để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, Công ty còn tiến hành các Hoạt động đào tạo nhằm nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên cũng như nhóm lao động trực tiếp. Cụ thể, hàng năm người lao động đều được đào tạo về công tác chuyên môn, công tác an toàn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; trường hợp lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại ... được tập huấn cấp Giấy chứng nhận và định kỳ hàng năm được huấn luyện lại ít nhất là 8h/lao động.

Mức lương bình quân của 3 năm gần đây:

- Năm 2015: 8.100.000 đồng/người/tháng;
- Năm 2016: 8.400.000 đồng/người/tháng.
- Năm 2017: 9.000.000 đồng/người/tháng.

➤ **Hệ thống quản lý**

- Hệ thống quản lý được phân quyền cụ thể và chi tiết. Từng phòng ban và bộ phận sản xuất của từng nhà máy được quản lý và giao chỉ tiêu cụ thể để thực hiện nhằm đạt được kế hoạch đã đề ra.
- Là một doanh nghiệp sản xuất nên hoạt động quản lý kỹ thuật luôn được Công ty quan tâm. Cụ thể, Công ty luôn tuân thủ quy trình kỹ thuật quy định của Sabeco, chủ động tự tổ chức đánh giá kiểm tra lẫn nhau giữa 03 nhà máy về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật. Nhờ đó cả 03 nhà máy của Công ty đều được Sabeco đánh giá công tác quản lý kỹ thuật – sản xuất đều đạt yêu cầu.
- Về hoạt động quản lý tài chính, Công ty có phòng Tài chính – Kế toán chịu trách nhiệm về lĩnh vực tài chính – kế toán. Cụ thể, phòng sẽ tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định, quản lý tài chính Công ty vận hành theo đúng quy định, rõ ràng và minh bạch. Ngoài ra, ban điều hành và quản trị Công ty còn thường xuyên lập các kế hoạch nhằm cân đối dòng tiền và xây dựng các giải pháp tài chính thông qua

việc điều chuyển vốn giữa các đơn vị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với lịch sử hơn 30 năm hoạt động, Bia Sài Gòn đã trở thành thương hiệu hàng đầu trong ngành bia rượu và nước giải khát. SABECO đang sở hữu 2 thương hiệu hàng đầu trong ngành bia Việt Nam là Bia Sài Gòn và Bia 333. Đạt hơn 40% thị phần và hiện đang đứng ở vị trí số 1 trong ngành bia Việt Nam, thương hiệu Bia Sài Gòn xứng đáng với khẩu hiệu “Niềm tự hào của Việt Nam”.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung là công ty thành viên có sản lượng bia khá lớn trung bình 110 triệu lít/năm chiếm gần 7% sản lượng bia tiêu thụ của Sabeco tiêu thụ hàng năm. Vị thế của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung được xây dựng và phát triển dựa nền tảng vững chắc là những thành quả mà Sabeco đã đạt được. Với những lợi thế từ việc nhận được sự hỗ trợ tích cực từ tổng công ty, SMB đang từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường Bia tại Việt Nam đặc biệt là khu vực miền trung. Hiện Công ty đang triển khai những hạng mục đầu tư tài sản cố định tại các Nhà máy hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm từ đó nâng tầm thương hiệu Bia Sài Gòn – Miền Trung hơn nữa góp phần vào việc giữ vững sự thành công của thương hiệu Sabeco.

8.2. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Mã chứng khoán	TTS 2017	VĐL 2017	VCSH 2017	DTT 2017	LNST 2017	LNST/VCSH (%)
1	CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	BSQ	977.883	450.000	599.795	998.140	107.758	17,97%
2	CTCP Bia Sài Gòn – Sông Lam	BSL	824.893	450.000	496.324	863.497	48.320	9,74%
3	CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây	WSB	822.531	145.000	542.108	926.807	121.320	22,38%
4	CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung	SMB	758.517	298.466	477.228	1.122.130	127.259	26,67%
5	CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ	BSP	414.832	125.000	247.232	562.762	56.067	22,68%
6	CTCP Bia Hà Nội – Thái Bình	BTB	357.093	76.912	105.705	165.852	5.959	5,64%
7	CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	SBL	303.333	120.120	200.396	296.069	44.763	22,34%
8	CTCP Bia Hà Nội – Hải Phòng	BHP	289.516	91.793	156.931	230.772	3.513	2,24%
9	CTCP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	SB1	222.577	105.000	151.295	284.971	6.462	4,27%
10	CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương	HAD	179.786	40.000	73.512	162.998	13.196	17,95%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của các Công ty

So với các doanh nghiệp trong ngành, Bia Sài Gòn – Miền Trung có quy mô khá tốt về vốn điều lệ, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế và hệ số khả năng sinh lời

(ROE) trong năm 2017 của Công ty cũng thuộc nhóm dẫn đầu trong hệ thống, điều này càng củng cố thêm cơ sở đối với kết luận tích cực về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của SMB.

8.3. Triển vọng phát triển của ngành

Những năm tới, nền kinh tế được nhận định sẽ phục hồi đã tạo động lực phát triển cho các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Không chỉ được dự báo về những thuận lợi về yếu tố vĩ mô mà trong nội bộ ngành bia cũng sẽ có những cải cách từ Chính phủ. Cụ thể, theo nội dung tiến trình Quy hoạch phát triển ngành Bia, Rượu, Nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035 thì: Ngành Bia, Rượu, Nước giải khát Việt Nam phải được xây dựng thành ngành công nghiệp hiện đại, xứng đáng với vị trí, vai trò trong nền kinh tế, có thương hiệu mạnh trên thị trường, sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, mẫu mã, bảo đảm an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng, cạnh tranh tốt trong quá trình hội nhập, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Cụ thể, Bộ Công thương đặt mục tiêu đến năm 2020 sản lượng sản xuất đạt 4,1 tỷ lít bia, năm 2025 sản lượng sản xuất là 4,6 tỷ lít bia và đến năm 2035 sản lượng phải đạt 5,5 tỷ lít với sản phẩm xuất khẩu đạt hàng trăm triệu đô la.

Có thể thấy chính sách này sẽ tạo ra động lực sản xuất cho các doanh nghiệp ngành bia, với mục tiêu xây dựng thương hiệu bia nội địa vững vàng và phát triển trong thời kỳ hội nhập kinh tế.

Cuối cùng, với đặc điểm dân số trẻ, Việt Nam đang là một thị trường lớn chịu ảnh hưởng của xu thế “Tây Âu hóa”, lối sống có xu hướng tiêu thụ tốt các loại sản phẩm bia, rượu, nước giải khát, đây chắc chắn cũng sẽ là điều kiện thuận lợi giúp hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển trong tương lai.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo Quy hoạch phát triển ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 3690/QĐ-BCT ngày 12/09/2016 nhằm giúp các doanh nghiệp trong nước chuẩn bị năng lực đáp ứng tốt quá trình hội nhập phù hợp với xu thế chung trên thế giới. Mục tiêu và định hướng phát triển của ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam như sau:

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam thành ngành công nghiệp hiện đại, xứng đáng với vị trí, vai trò trong nền kinh tế, có thương hiệu mạnh trên thị trường, sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, mẫu mã, bảo đảm an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng, cạnh tranh tốt trong quá trình hội nhập, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành bia, rượu; tăng dần tỷ trọng ngành nước giải khát.

Định hướng phát triển đối với ngành bia

Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu; liên kết hoặc sáp nhập vào các doanh nghiệp lớn.

Khuyến khích sản xuất bia không cồn và các dòng bia cao cấp với giá cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu. Tiếp tục xây dựng và phát triển một số thương hiệu bia mạnh tầm quốc gia.

Không khuyến khích đầu tư mới các nhà máy quy mô dưới 50 triệu lít/năm, trừ các cơ sở sản xuất bia để bán tiêu dùng tại chỗ.

Song song với sự vận động không ngừng của ngành theo những quy hoạch và định hướng phát triển vừa được trình bày, Bia Sài Gòn – Miền Trung trên cơ sở đó vẫn tiếp tục vừa thích ứng vừa tập trung mở rộng thị trường, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, chú ý xây dựng hình ảnh đẹp trong lòng đối tác và người tiêu dùng qua đó góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Sabeco trong tương lai. Như vậy, định hướng, chiến lược phát triển của SMB cho thấy được sự phù hợp với sự phát triển của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tính đến ngày 31/12/2017:

STT	Tính chất phân loại	31/12/2017	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	521	100%
1	Trên Đại học	1	0,19%
2	Đại học, cao đẳng	252	48,37%
3	Trung cấp	99	19,00%
4	Công nhân kỹ thuật	54	10,36%
5	Lao động phổ thông	115	22,07%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	521	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	390	74,86%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	50	9,60%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	81	15,55%

Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi

➤ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần. Thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia làm 03 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ SXKD thì CBCNV làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và có những chế độ đãi ngộ thỏa đáng

Nghỉ phép, Tết, lễ: Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, nếu làm dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo tỷ lệ thời gian làm

việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc, người lao động được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động khi ốm đau được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế và được hưởng trợ cấp theo quy định của Bảo hiểm xã hội.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách tuyển dụng:** Công ty có chính sách thu hút người lao động giỏi, có kế hoạch quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ công nhân viên có năng lực, tâm huyết, gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty có chính sách tuyển dụng dựa vào năng lực và thái độ làm việc, tuyển dụng không phân biệt vùng miền nhằm đưa vào Công ty
- **Đào tạo:** Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Hàng năm Công ty căn cứ vào yêu cầu nghiệp vụ và từng đối tượng lao động có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn nhằm đảm bảo người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo kế hoạch do Công ty chi trả.

Trường hợp người lao động có nhu cầu học thêm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoài kế hoạch của Công ty. Sẽ được Công ty xem xét quyết định trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và không để ảnh hưởng đến sản xuất. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập, đào tạo ngoài kế hoạch của Công ty thì toàn bộ chi phí trong thời gian học tập kể cả tiền lương do người lao động đảm nhận. Nếu sau khi học xong chất lượng học tập đạt kết quả, đáp ứng được nhu cầu công việc tại Công ty thì sẽ được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí mà người lao động đã bỏ ra trong thời gian học tập hoặc bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

- **Công tác đảm bảo an toàn lao động:** Công ty thực hiện trang bị bảo hộ lao động đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc, số tiền mua trang bị bảo hộ và phụ cấp độc hại trong năm 2016 là 2.461 triệu đồng. Hệ thống máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn định kỳ đều được kiểm định theo quy định.
- **Công tác chăm sóc sức khỏe:** Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nhằm kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp.
- **Về chính sách lương thưởng phúc lợi:** Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc từng người, khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy SXKD của Công ty. Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức 3 năm gần nhất

Cổ tức	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả	Hình thức	Tình trạng thanh toán
Năm 2014	13%/ Mệnh giá	Tiền mặt	Đã hoàn tất
Năm 2015	18%/ Mệnh giá	Tiền mặt	Đã hoàn tất
Năm 2016	25%/ Mệnh giá	Tiền mặt	Đã hoàn tất
Dự kiến Năm 2017	30%/ Mệnh giá	Tiền mặt	Đã tạm ứng 15%/Mệnh giá chi trả từ 28/03/2018

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2015, 2016, 2017

Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018 được HĐQT xây dựng chuẩn bị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung dự kiến sẽ tiếp tục duy trì chi trả cổ tức trong năm tới 2018 bằng tiền mặt với mức 25% VDL.

Các chính sách liên quan đến chi trả cổ tức

Việc thực hiện chi trả cổ tức tại Công ty luôn tuân thủ theo Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định của pháp luật. Theo đó, Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty.

Những năm vừa qua, CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung luôn duy trì chính sách trả cổ tức bằng tiền mặt, thực hiện thanh toán đầy đủ đúng hạn mức cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác, cũng như việc trích lập các quỹ luôn được Công ty thực hiện đúng theo quy định trong Điều lệ và pháp luật hiện hành.

11. Tình hình tài chính

11.1. Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định tại công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian cố định ước tính của tài sản và tuân thủ theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC (Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định). Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Năm 2017, tổng mức khấu hao được trích lập cuối kỳ là 95.491.526.283 đồng.

Thời gian hữu dụng ước tính cho TSCĐ hữu hình tại Công ty như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	: 05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	: 05 – 15 năm
Phương tiện vận tải	: 05 – 10 năm
Thiết bị quản lý	: 03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	: 08 – 20 năm

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017

Tài sản cố định vô hình và khấu hao:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không phải tính khấu hao do Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19 tháng 11 năm 1988 là vô thời hạn.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê là giá trị nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thời gian khấu hao của nhà cửa là từ 16 năm đến 25 năm.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá là giá trị quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai được trình bày theo nguyên giá trừ các tổn thất do suy giảm giá trị.

11.2. Mức lương bình quân

Lương nhân viên bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2016 là 8.400.000 đồng/tháng/người tăng nhẹ so với mức 8.100.000 đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm, các khoản lương, thưởng, phụ cấp. Mức lương bình quân của cán bộ nhân viên công ty là tương đối cao so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp trên địa bàn, tuy nhiên, với tốc độ tăng trưởng của Công ty hiện tại, mức lương bình quân của cán bộ nhân viên công ty được kỳ vọng sẽ còn gia tăng trong thời gian tới.

11.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tính đến ngày 31/03/2018, Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay, cũng như nợ của khách hàng. SMB không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

11.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các khoản nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp nhà nước theo quy định hiện hành.

Bảng 13. Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
1	Thuế GTGT	9.297	13.445	12.248
2	Thuế GTGT nhập khẩu	(6)	(48)	2
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	48.948	97.879	88.436
4	Thuế xuất nhập khẩu	(2)	(35)	1
5	Thuế TNDN hiện hành	8.276	12.320	7.023
6	Thuế Thu nhập cá nhân	316	436	1.066
7	Thuế tài nguyên	3	-	15
8	Thuế môn bài	-	-	-
9	Thuế đất, thuế nhà đất	-	(1.524)	652
10	Các loại thuế khác	-	33	-
11	Phải thu Nhà nước	12	1.611	10
Tổng cộng		66.844	124.117	109.453

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 14. Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
1	Thuế GTGT	9.297	13.770	12.932
2	Thuế GTGT nhập khẩu	(6)	(48)	2
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	48.948	97.879	88.436
4	Thuế xuất nhập khẩu	(2)	(35)	1
5	Thuế TNDN hiện hành	8.276	12.557	7.268
6	Thuế Thu nhập cá nhân	316	451	1.080
7	Thuế tài nguyên	3	-	15
8	Thuế môn bài	-	-	-
9	Thuế đất, thuế nhà đất	-	(1.524)	652

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
10	Các loại thuế khác	-	33	-
11	Phải thu Nhà nước	12	1.611	10
Tổng cộng		66.844	124.694	110.396

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

11.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại điều lệ và quy định hiện hành. Quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp nổi bật trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Bảng 15. Số dư các quỹ (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	(61)	64	(9.849)
2	Quỹ Đầu tư phát triển	40.727	51.095	51.095
Tổng cộng		40.666	51.159	41.246

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 16. Số dư các quỹ (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	(61)	69	(9.844)
2	Quỹ Đầu tư phát triển	40.727	51.095	51.095
Tổng cộng		40.666	51.164	41.251

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

(*) Công ty tạm dùng Quỹ để khen thưởng và thực hiện các chương trình phúc lợi trong năm cho cán bộ nhân viên trong khi chưa phân phối lợi nhuận vì thế Quỹ này có giá trị âm.

11.6. Tổng dư nợ vay

Bảng 17. Tổng nợ vay (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.441	29.530	97.416
1.1.	Vay ngân hàng	44.325	25.000	92.886
1.2	Vay CBCNV	7.116	4.530	4.530
(*)	Trong đó: Vay người nội bộ	7.116	4.530	4.530
1.3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	49.223	49.223
Tổng cộng		51.441	78.753	146.639

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 18. Tổng nợ vay (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.441	29.530	97.416
1.1.	Vay ngân hàng	44.325	25.000	92.886
1.2	Vay CBCNV	7.116	4.530	4.530
(*)	Trong đó: Vay người nội bộ	7.116	4.530	4.530
1.3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	49.223	49.223
Tổng cộng		51.441	78.753	146.639

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

(*) Các khoản vay người nội bộ được thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định. Trong thời gian tới, Công ty xin cam kết sẽ hạn chế các khoản vay người nội bộ nhằm đảm bảo tính minh bạch đối với Công ty đại chúng.

11.7. Tình hình công nợ hiện nay

➤ Các khoản phải thu của Công ty

Bảng 19. Các khoản phải thu (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	67.908	53.582	69.472
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	42.401	40.947	40.185
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.242	10.360	27.398
3	Phải thu ngắn hạn khác	11.291	3.605	3.220
(**)	<i>Trong đó: Phải thu người nội bộ tạm ứng</i>	780	247	1.018
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.025)	(1.332)	(1.332)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	0,11	2	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	67.908	53.582	69.472

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 20. Các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	67.908	52.701	80.083
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	42.401	40.947	38.188
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.242	10.360	40.638
3	Phải thu ngắn hạn khác	11.291	2.724	2.588
(**)	<i>Trong đó: Phải thu người nội bộ tạm ứng</i>	780	247	1.018
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.025)	(1.332)	(1.332)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	0,11	2	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	67.908	52.701	80.083

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

(*) Trong thời gian tới, Công ty xin cam kết sẽ thu hồi đầy đủ các khoản người nội bộ tạm ứng nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu.

Bảng 21. Chi tiết Phải thu ngắn hạn của khách hàng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	-	-
2	Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico Việt Nam CN Quảng Nam	2.103	-	1.433
3	Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	36.631	32.632	27.704
4	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	-	3.784	-
5	Công ty TNHH MTV TM DV Bia Quy Nhơn	-	-	2.196
6	Các khoản phải thu khách hàng khác	3.666	4.531	8.853
Tổng cộng		42.401	40.947	40.185

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 22. Chi tiết Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	-	-
2	Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico Việt Nam CN Quảng Nam	2.103	-	1.433
3	Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	36.631	32.632	27.704
4	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	-	3.784	-
5	Công ty TNHH MTV TM DV Bia Quy Nhơn	-	-	-
6	Các khoản phải thu khách hàng khác	3.666	4.531	9.051
Tổng cộng		42.401	40.947	38.188

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

➤ **Các khoản nợ của Công ty**

Tính đến thời điểm 31/03/2018, Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

Bảng 23. Nợ phải trả (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
I	Nợ ngắn hạn	180.603	214.069	281.969
1	Phải trả người bán ngắn hạn	31.477	20.146	20.321
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	544	5.722	13.282
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	66.844	124.116	109.443
4	Phải trả người lao động	12.610	18.623	10.223
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.177	3.070	7.819
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	12.571	12.797	33.315
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.441	29.530	97.416
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(61)	64	(9.849)
II	Nợ dài hạn	20.483	69.034	69.068
1	Phải trả dài hạn khác	2.253	3.298	3.346
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	49.223	49.223
3	Dự phòng phải trả dài hạn	18.230	16.513	16.499
Tổng cộng		201.086	283.103	351.037

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 24. Nợ phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
I	Nợ ngắn hạn	180.603	212.174	287.777
1	Phải trả người bán ngắn hạn	31.477	19.768	19.608
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	544	926	14.389
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	66.844	124.693	110.386
4	Phải trả người lao động	12.610	19.012	10.903
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.177	4.165	9.531

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	65	170
7	Phải trả ngắn hạn khác	12.571	13.946	35.219
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.441	29.530	97.416
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(61)	69	(9.844)
II	Nợ dài hạn	20.483	69.116	69.150
1	Phải trả dài hạn khác	2.253	3.298	3.346
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	49.223	49.223
3	Dự phòng phải trả dài hạn	18.230	16.595	16.581
	Tổng cộng	201.086	281.290	356.927

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

Bảng 25. Chi tiết các khoản nợ phải trả có số dư lớn (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
I	Phải trả người bán ngắn hạn	31.477	20.146	20.321
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	12.733	4.393	5.591
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	1.115	895	648
3	Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn	-	570	943
4	Công ty TNHH Vận tải Ô tô An Phước	-	1.343	1.441
5	Công ty TNHH MTV TM&VT Thái Tân	1.769	3.220	2.078
6	Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	1.632	-	-
7	Công ty TNHH Đại Thịnh	-	882	-
8	Phải trả cho các đối tượng khác	14.228	8.844	9.621
II	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.441	78.753	97.416
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	27.500	3.000	37.886
2	Vay cán bộ công nhân viên	7.116	4.530	4.530

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Riêng	Riêng
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	16.702	-	-
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	123	22.000	55.000
5	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-
III	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	49.223	49.223
1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	-	49.223	49.223
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 26. Chi tiết các khoản nợ phải trả có số dư lớn (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
I	Phải trả người bán ngắn hạn	31.477	19.768	19.608
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	12.733	4.393	5.591
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	1.115	895	648
3	Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn	-	-	-
4	Công ty TNHH Vận tải Ô tô An Phước	-	1.343	1.441
5	Công ty TNHH MTV TM&VT Thái Tân	1.769	3.220	2.078
6	Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	1.632	-	-
7	Công ty TNHH Đại Thịnh	-	882	-
8	Phải trả cho các đối tượng khác	14.228	9.035	9.851
II	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.441	78.753	97.416
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	27.500	3.000	37.886
2	Vay cán bộ công nhân viên	7.116	4.530	4.530

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
			Hợp nhất	Hợp nhất
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	16.702	-	-
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	123	22.000	55.000
5	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-
III	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	49.223	49.223
1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	-	49.223	49.223
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,76	1,05	0,95
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,28	0,43	0,29
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,10%	31,10%	37,23%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	72,71%	45,13%	59,32%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5,16	5,44	6,83
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,04	1,21	1,55
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,53%	12,64%	11,67%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,94%	24,28%	27,58%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,94%	15,33%	18,09%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,26%	12,88%	12,40%

Nguồn: BCTC năm 2015, 2016 và BCTC Hợp nhất năm 2017 của SMB

Hệ số khả năng thanh toán

Nhóm các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty năm 2017 đều giảm so với năm 2016. Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2017 tăng 17,48% so với cùng kỳ năm trước và đạt mức 212,2 tỷ đồng cao hơn mức tăng 8,82% của tài sản ngắn hạn.

Theo đó, khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là nguyên nhân chính làm Nợ ngắn hạn tăng. Trong năm 2017, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với bia tăng từ 55% lên 60%, bên cạnh đó sản lượng hàng bán tăng hơn 20,5 triệu lít (bia tự doanh và bia Sài Gòn). Hai biến động này làm cho khoản thuế phải nộp của Công ty tăng.

Phải trả người bán ngắn hạn và vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tiếp tục có sự sụt giảm đáng kể. Trong đó, chủ yếu là các khoản SMB phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, Công ty TNHH MTV Thương mại & Vận tải Thái Tân do mua nguyên liệu, vật liệu, phụ liệu phục vụ việc sản xuất của Công ty. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm là do Công ty thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Quy Nhơn theo hợp đồng vay số 172/2016/VCB ngày 21/11/2016 (khoản vay nhằm bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh).

Cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty không có nhiều biến động, vì là doanh nghiệp sản xuất nên hàng tồn kho vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (khoảng hơn 60%) qua các năm, trong đó chủ yếu là nguyên liệu, vật liệu & công cụ, dụng cụ, thành phẩm chỉ chiếm số lượng nhỏ. Năm 2017, hàng tồn kho tăng 27,7% tương đương tăng hơn 31 tỷ đồng so với năm trước do thành phẩm và nguyên liệu, vật liệu có sự sụt giảm.

Hệ số thanh toán của SMB so với các công ty cùng ngành là khá cao, có thể thấy hệ số này luôn được duy trì ổn định những năm gần đây, mặc dù năm 2017 các hệ số này giảm nhưng các khoản vay nợ đều được thanh toán đúng hạn và đầy đủ, tài sản ngắn hạn vẫn tăng trưởng, hàng tồn kho được Công ty quản lý tốt.

Hệ số cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn Công ty năm 2017 có sự thay đổi rõ rệt so với năm trước, theo đó các hệ số đều gia tăng đáng kể. Nguyên nhân của sự thay đổi này là do tổng nợ năm 2016 đã tăng 39,91% đạt mức 281,3 tỷ đồng, tổng tài sản cũng có sự gia tăng 17,30% đạt mức 758,5 tỷ đồng trong khi đó vốn chủ sở hữu chỉ tăng nhẹ 7,11% đạt mức 477,2 tỷ đồng.

Cụ thể, tổng nợ tăng do nợ ngắn hạn tăng 23,59% như đã được phân tích và nợ dài hạn tăng mạnh 237,43%, trong năm Công ty đã vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk theo 02 hợp đồng số 261017/MQK/HĐTD1 và hợp đồng số 261017/MQK/HĐTD2 ngày 26/10/2017. Khoản vay dùng để đầu tư dự án “Hệ thống máy móc kiểm tra chai xì và máy kiểm tra code chai tại Nhà máy Bia Đắk Lắk, Quy Nhơn và Phú Yên. Hệ thống tank lên men – tank TBF tại Nhà máy Bia Đắk Lắk và Hệ thống nhà nấu sản xuất bia tự doanh tại Nhà máy bia Phú Yên”.

Tổng tài sản tăng do tài sản ngắn hạn tăng như đã phân tích; Vốn chủ sở hữu năm 2017 có sự gia tăng nguyên nhân do trong năm SMB có được lượng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khá lớn.

Như vậy, sự thay đổi trong cơ cấu vốn năm 2017 cùng với hệ số thanh toán như đã phân tích cho thấy tình hình tài chính của SMB đang duy trì được sự ổn định.

Hệ số năng lực hoạt động

Hệ số vòng quay hàng tồn kho năm 2017 tăng từ 5,44 lên 6,83 vòng do giá vốn hàng bán tăng, do sản lượng bán hàng năm 2017 có sự gia tăng so với năm trước cho thấy hoạt động tiêu thụ hàng hóa của Công ty đang diễn ra thuận lợi.

Hệ số vòng quay tổng tài sản năm 2017 tăng từ 1,21 lên 1,55 vòng, nguyên nhân do giá trị tổng tài sản năm 2017 của Công ty tăng nhẹ 111, 87 tỷ đồng so với năm trước, ngược lại doanh thu thuần có sự gia tăng hơn 301,7 tỷ đồng cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty đã cao hơn so với năm 2016.

Hệ số khả năng sinh lời

Nhóm hệ số khả năng sinh lời của Công ty năm 2017 hầu hết đều có sự gia tăng và ở mức khá cao so với doanh nghiệp cùng ngành.

Tổng kết năm 2017, sản lượng hàng bán của Công ty tăng hơn 19 triệu lít đã giúp doanh thu thuần SMB so với năm 2016 tăng thêm 301,7 tỷ cùng với đó là chi phí lãi vay đã giảm đi hơn 1,6 tỷ nhờ Công ty đã thanh toán xong khoản vay với ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Quy Nhơn. Ngoài ra, việc gia tăng các chi phí khác (giá vốn tăng do gia tăng sản lượng; chi phí bán hàng và quản lý tăng do Công ty trích bổ sung tiền lương doanh số) hơn 9,3 tỷ đã khiến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chỉ tăng hơn 29 tỷ so với năm trước và khiến hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng không quá cao cùng việc biến động của thu nhập và chi phí khác đã khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ tăng hơn 23 tỷ đồng. Trong năm 2017, thu nhập khác tăng đến từ hoạt động bán vật tư, phế liệu và các hoạt động khác nhưng mức tăng không cao khoảng 10,59%, bên cạnh đó chi phí khác trong năm của Công ty lại tăng hơn 55%.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính có sự cải thiện đáng kể do chi phí lãi vay đã giảm mạnh trong năm, cùng với khoản thu về từ đầu tư vào công ty con và khoản lãi chênh lệch tỷ giá do mua EUR kỳ hạn khiến lợi nhuận sau thuế của SMB năm 2017 duy trì kéo theo các hệ số khả năng sinh lời đã phân đều có sự tăng trưởng tốt.

13. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

- Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGD	TV HĐQT điều hành
3	Nguyễn Bích Đạt	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
4	Nguyễn Thị Phước	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành

- Các tiểu ban của HĐQT: *Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.*
- **Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị**

ÔNG BUI NGOC HANH – CHỦ TỊCH HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 20/03/1959
- Nơi sinh : Nghệ An
- CMND/Hộ chiếu : 022001656, ngày cấp 20/07/2009, nơi cấp CA Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : hanhbn@sabeco.com.vn
- Địa chỉ thường trú : 436B/103, Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính, Kế toán công nghiệp (1991), Chứng chỉ về Bồi dưỡng Kế toán trưởng, Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp và Quản trị Công ty.
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 9.203 cổ phiếu – 0,03% VDL

- Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn: 3.647.553 cổ phần, tỷ lệ 12,22% VDL.
- Số cổ phần của người có liên quan : Khru Thị Bích Nga – Vợ nắm giữ 15.704 cổ phiếu, tỷ lệ 0,052% VDL
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (SAB) - Ông Bùi Ngọc Hạnh là TV HĐQT của SAB và là Người đại diện vốn của SAB tại CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung – 3.647.553 CP, tỷ lệ 12,22% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ 1996 đến 2006 : Phó Trưởng phòng rồi Phó Ban Tài chính Kế toán
 - Từ 05/2006 đến 12/2007 : Thành viên HĐQT, kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Sabeco
 - Từ 2008 đến nay : Thành viên HĐQT thường trực Sabeco và là Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại Sabeco.
 - Từ 05/2013 đến nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

ÔNG HUỖNH VĂN DŨNG – THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 30/01/1962
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- CMND/Hộ chiếu : 240007292, ngày cấp 31/10/2014, nơi cấp CA ĐẮC LẮK
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : vandung62@yahoo.com
- Địa chỉ thường trú : 250/4 Phan Chu Trinh, Tp.Buôn Mê Thuột, ĐẮC LẮK
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân Tiếng Anh
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Ủy viên HĐQT CTCP In – Thương mại Phú Yên
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 347.305 cổ phiếu – 1,16% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn: 2.984.905 cổ phần - tỷ lệ 10,0% VDL
- Số cổ phần của người có liên quan : Huỳnh Thị Kim Thùy – Em ruột nắm giữ 2.000 cổ phiếu – tỷ lệ 0,00% VDL.
Huỳnh Văn Triển – Em ruột nắm giữ 10.230 cổ phiếu – tỷ lệ 0,03% VDL.
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (SAB) - Ông Bùi Ngọc Hạnh là TV HĐQT của SAB và là Người đại diện vốn của SAB tại CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung – 2.984.905 CP, tỷ lệ 10,00% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ 04/1989 đến 08/1992 : Trưởng phòng Kiểm nghiệm hàng hóa XNK Inexim Đắk Lắk
 - Từ 08/1992 đến 12/1995 : Phó trưởng Xưởng Chế biến – Kho vận Inexim Đắk Lắk
 - Từ 12/1995 đến 02/2005 : Phó Giám đốc Inexim Đắk Lắk
 - Từ 02/2005 đến 09/2008 : Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
 - Từ 10/2008 đến 11/2013 : Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Đắk Lắk
 - Từ 05/2013 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
 - Từ 12/2013 đến nay : Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Khen thưởng : Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

ÔNG NGUYỄN BÍCH ĐẠT – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 1950
- Nơi sinh : Hà Nội
- CMND/Hộ chiếu : 011621393, cấp ngày 01/09/2009, nơi cấp CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : n.bich.dat@gmail.com
- Địa chỉ thường trú : Nhà A6, Ngõ 96, Phố Linh Lang, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Đại học Thương mại (1971), Tiến sỹ Khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức (1982), và Phó Giáo sư (1991)
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT không điều hành Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 CP, tỷ lệ 0,00% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu cho Capital Shine Limited: 1.587.271 CP, tỷ lệ 5,32% VDL
- Số cổ phần của người có liên quan : Capital Shine Limited – Ông Nguyễn Bích Đạt là Đại diện vốn của Capital Shine Limited tại CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung – Nắm giữ 1.587.271 CP, tỷ lệ 5,32% VDL.
- *Quá trình công tác*
 - Từ 1971 đến 1989 : Nghiên cứu, giảng dạy và giữ chức Hiệu phó Đại học Thương mại
 - Từ 1993 đến 1997 : Vụ phó Vụ Pháp chế - Ủy ban Nhà nước về hợp tác & đầu tư, rồi Vụ trưởng Vụ đầu tư nước ngoài
 - Từ 2003 đến 2011 : Thứ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư
 - Từ năm 2011 : Mời làm cố vấn và là Thành viên Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

- Từ 2013 đến nay : Thành viên HĐQT Sabeco, đại diện cho nhóm cổ đông nước ngoài
- Từ 05/2013 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

BÀ NGUYỄN THỊ PHƯỚC – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 25/04/1959
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- CMND/Hộ chiếu : 240491971, cấp ngày 24/09/2006, nơi cấp CA Đắk Lắk
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : phuocvietcomreal@gmail.com
- Địa chỉ thường trú : 68 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Tổng giám đốc Công ty CPTM Địa Ốc Việt
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 CP, tỷ lệ 0,00% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu của CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt: 3.745.550 CP, tỷ lệ 12,54% VDL.
- Số cổ phần của người có liên quan : Nguyễn Đức Hòa – Anh ruột nắm giữ 2.046 CP, tỷ lệ 0,01% VDL
Nguyễn Thị Lai – Em ruột nắm giữ 4.046 CP, tỷ lệ 0,01% VDL
CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt – Bà Nguyễn Thị Phước là TGD tại CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt và là Người đại diện vốn của CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt tại CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung – 3.745.550 CP, tỷ lệ 12,55% VDL.

- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1996 đến 2006 : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư-Thương mại-Du lịch Hiệp Phúc
 - Từ năm 2007 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CPTM Địa ốc Việt
 - Từ 05/2013 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

BÀ NGUYỄN THỊ THÙY LINH – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 07/06/1968
- Nơi sinh : Tp Hồ Chí Minh
- CMND/Hộ chiếu : 022229534
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : linhntt@sabeco.com.vn
- Địa chỉ thường trú : 42/24 Huỳnh Đình Hai, P 24, Q. Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Phó Ban Kế hoạch Tổng hợp Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 741 CP, tỷ lệ 0,00 % VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu của Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn: 2.984.905 CP, chiếm 10,00% VDL
- Số cổ phần của người có liên quan : Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – Bà Nguyễn Thị Thùy Linh là Phó Ban Kế hoạch Tổng hợp của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – 2.984.905 CP, tỷ lệ 10,00% VDL.

- *Quá trình công tác*
 - Từ 10/1998 đến 05/2003 : Kế toán tài sản cố định Cty Bia Sài Gòn
 - Từ 06/2003 đến 2006 : Kế toán tiêu thụ, Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
 - Từ 2006 đến 2008 : Phó phòng kế toán Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
 - Từ 2008 đến 06/2012 : Phó phòng tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
 - Từ 06/2012 đến 02/2016 : Phó Ban tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
 - Từ 04/2017 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
 - Từ 03/2016 đến nay : Phó Ban Kế hoạch tổng hợp Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

13.2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng BKS
2	Bùi Quang Đáng	Thành viên
3	Trịnh Văn Thảo	Thành viên

➤ Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 08/02/1971
- Nơi sinh : Thành phố Đà Nẵng
- CMND/Hộ chiếu : 201019791
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ email : nvdung71@yahoo.com.vn
- Địa chỉ thường trú : 11 Phó Đức Chính, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tỷ lệ 0,00% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Số cổ phần của người có liên quan : Phạm Hà Thái Uyên - Vợ nắm giữ 3.069 CP, tỷ lệ 0,01% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1996 đến 2003 : Kế toán trưởng Công ty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc
 - Từ năm 2004 đến 2009 : Giám đốc Chi nhánh Cty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc tại Quảng Nam (Trạm thu phí Tam Kỳ)
 - Từ năm 2010 đến 04/2016 : Phó Tổng giám đốc CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt (Vietcomreal)
 - Từ tháng 05/2016 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

ÔNG BUI QUANG ĐÁNG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1965
- Nơi sinh : Phú Yên
- CMND/Hộ chiếu : 220570981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ email : dang.xspy@gmail.com
- Địa chỉ thường trú : 132 Lê Trung Kiên, phường 2, TP.Tuy Hòa, Phú Yên
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Nơi công tác hiện nay : Công ty TNHH 1 TV Xổ số kiến thiết Phú Yên
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên: 1.602.940 CP, tỷ lệ 5,37% VĐL
- Số cổ phần của người có liên quan : Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên – Ông Bùi Quang Đáng là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên và là Người đại diện vốn của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung – Nắm giữ 1.602.940 CP, tỷ lệ 5,37% VĐL.
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1986 đến 1991 : Công tác tại Công ty Thương nghiệp Sông Cầu, Phú Yên
 - Từ 08/1993 đến 2012 : Kế toán trưởng Công ty xổ số kiến thiết Phú Yên
 - Từ 2012 đến 10/2016 : Phó giám đốc xổ số kiến thiết Phú Yên
 - Từ 11/2016 đến nay : Chủ tịch Công ty TNHH 1 TV xổ số kiến thiết Phú Yên
 - Từ 04/2017 đến nay : Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

ÔNG TRỊNH VĂN THẢO – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 02/02/1973
- Nơi sinh : Định Bình, Yên Định, Thanh Hóa
- CMND/Hộ chiếu : 024396380, cấp ngày 22/04/2005, nơi cấp CA Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ email : thaotv@sabeco.com.vn
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 22 Đường số 10, Phường Bình An, Quận 2 TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Nơi công tác hiện nay : Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Chức vụ hiện nay : Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1996 đến năm 2001 : Trợ lý Kế toán-Phòng TC-KT Tổng công ty Xây Dựng Trường Sơn- Bộ Quốc Phòng.
 - Từ năm 2001 đến năm 2006 : Kế toán tổng hợp-Phòng TC-KT Công ty Du Lịch-Dịch vụ và Thương mại TOSECO- Bộ Quốc Phòng
 - Từ năm 2006 đến năm 2008 : Kế toán trưởng- Công ty Du Lịch Phương Nam- Bộ Quốc Phòng
 - Từ năm 2008 đến năm 2010 : Kế toán trưởng- Trung tâm Thương Mại- Dịch Vụ Phương Nam- Bộ Quốc Phòng
 - Từ 05/2011 đến 10/2017 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ-Phòng KTNB Tổng công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn(SABECO)
 - Từ 05/2013 đến nay : Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

13.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Võ Thành Điền	Giám đốc Kinh doanh
3	Vũ Tuấn Anh	Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng
4	Nguyễn Hoàng Long	Giám đốc Chi nhánh Quy Nhơn
5	Đặng Sanh Định	Giám đốc Chi nhánh Phú Yên

▪ Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch **Ông Huỳnh Văn Dũng** vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị.

ÔNG VÕ THÀNH ĐIỀN – GIÁM ĐỐC KINH DOANH

- Ngày tháng năm sinh : 12/04/1966
- Nơi sinh : Vạn Ninh - Khánh Hòa
- CMND/Hộ chiếu : 240460061, ngày cấp 05/11/2008, nơi cấp CA ĐẮC LẮK
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : diensadabeco@yahoo.com
- Địa chỉ thường trú : 282 Ngô Quyền, TP. Buôn Ma Thuột, ĐẮC LẮK
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Giám đốc Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 35.843 CP, tỷ lệ 0,12%VĐL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Số cổ phần của người có liên quan : Đặng Thị Loan – Vợ nắm giữ 31.366 CP, tỷ lệ 0,10 VĐL;

Võ Thị Minh Hằng - Con ruột năm giữ 6.000 CP, tỷ lệ 0,02% VDL.

▪ *Quá trình công tác*

- Từ 06/1993 đến 07/1994 : Phó Phòng Đầu tư và Công nợ, Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
- Từ 07/1994 đến 06/2002 : Giám đốc Chi nhánh Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk tại Huyện Krông Năng, KrongBuk, Chư Sê
- Từ 06/2002 đến 05/2007 : Phó phòng, Phụ trách phòng Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
- Từ 07/2007 đến 12/2007 : Phụ trách Phòng Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
- Từ 01/2008 đến 09/2009 : Trưởng Phòng Kế hoạch-Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
- Từ 10/2009 đến 12/2013 : Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn Miền Trung tại Đắk Lắk
- Từ 01/2014 đến nay : Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

ÔNG VŨ TUẤN ANH – GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày tháng năm sinh : 13/08/1971
- Nơi sinh : Buôn Ma Thuột
- CMND/Hộ chiếu : 240443077, ngày cấp 05/03/2003, nơi cấp CA Đắk Lắk
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : vutuananhdl@gmail.com
- Địa chỉ thường trú : 303 Y Ngông, Phường Tân Thành, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ bia Quy Nhơn
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 38.367 CP, tỷ lệ 0,12% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Số cổ phần của người có liên quan : 3.682 CP, tỷ lệ 0,01% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ 10/1994 đến 02/2005 : Kế toán, Kế toán tổng hợp Công ty Đầu tư XNK Đắc Lắc
 - Từ 02/2005 đến 03/2007 : Phụ trách Kế toán CTCP Bia Sài Gòn Đắc Lắc
 - Từ 04/2007 đến 10/2008 : Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn Đắc Lắc
 - Từ 10/2008 đến 31/12/2013 : Kế toán trưởng Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Đắc Lắc
 - Từ 01/01/2014 đến nay : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

ÔNG NGUYỄN HOÀNG LONG – GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH QUY NHƠN

- Ngày tháng năm sinh : 14/12/1962
- Nơi sinh : Xã Ân Hào, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định
- CMND/Hộ chiếu : 211435416, ngày cấp 05/10/2010, nơi cấp CA Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ email : hoanglongbeer@gmail.com
- Địa chỉ thường trú : 16 Nguyễn Trung Ngạn, Tp. Quy Nhơn, Bình Định
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Giám đốc Chi nhánh Quy Nhơn CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc Công ty TNHH 1TV Thương mại-Dịch vụ bia Quy Nhơn
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 5.008 CP, tỷ lệ 0,01% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Số cổ phần của người có liên quan : Huỳnh Thị Bích Tiên - Vợ nắm giữ 14.340 CP, Tỷ lệ 0,04% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1979 : Nhân viên Chi cục Kiểm lâm Nhân dân Nghĩa Bình
 - Từ 1979 đến 1981 : Quân nhân, đóng quân tại sân bay Đà Nẵng
 - Từ 1988 đến 1993 : Nhân viên Công ty XNK Nghĩa Bình
 - Từ 1996 đến 2014 : Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch-Kinh doanh, Phó Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
 - Từ 2014 đến 10/2015 : Quyền Giám đốc, Giám đốc chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
 - Từ 11/2015 đến nay : Giám đốc, Giám đốc chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
- Khen thưởng : Không
- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

ÔNG ĐẶNG SANH ĐỊNH – GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PHÚ YÊN

- Ngày tháng năm sinh : 02/01/1973
- Nơi sinh : Xã Hòa Thành, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên
- CMND/Hộ chiếu : 220927828, ngày cấp 10/12/2010, nơi cấp CA Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ email : dinhds@smbpy.com.vn
- Địa chỉ thường trú : 53 Nguyễn Thế Bảo, Phường 9, Tp.Tuy Hòa, Phú Yên
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa thực phẩm
- Nơi công tác hiện nay : CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay : Giám đốc Chi nhánh Phú Yên CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 9.702 CP, tỷ lệ 0,03% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Số cổ phần của người có liên quan : Huỳnh Thị Tường Vân - Vợ nắm giữ 2.695 CP, tỷ lệ 0,00% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ 08/1997 đến 05/1998 : Nhân viên Kỹ thuật Công ty Mía đường Tuy Hòa
 - Từ 06/1998 đến 04/2005 : Trưởng Phòng Kỹ thuật – Công nghệ liên doanh Bia Sài Gòn – Phú Yên
 - Từ 05/2005 đến 09/2008 : Trưởng Phòng Kỹ thuật – Công nghệ CTCP Bia Sài Gòn – Phú Yên
 - Từ 10/2008 đến 10/2015 : Phó Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
 - Từ 11/2015 đến 12/2016 : Quyền Giám đốc Chi nhánh CTCP Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
 - Từ 01/2017 đến Nay : Giám đốc Chi nhánh CTCP Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
- Khen thưởng : Không

- Các khoản nợ công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

14. Tài sản

Bảng 28: Tài sản cố định của Công ty (Riêng)

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	31/12/2017 Riêng		31/03/2018 Riêng		Giá trị còn lại/Nguyên giá (%) 31/03/2018
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1. Tài sản cố định hữu hình	1.297.932	468.327	1.301.685	448.024	34,42%
- Nhà cửa, vật kiến trúc	201.666	119.879	201.588	117.121	58,10%
+ Nhà xưởng, nhà Văn phòng	91.310	58.269	91.310	57.020	62,45%
+ Sân bãi	11.731	6.798	11.731	6.598	56,24%
+ Kho tàng	39.566	25.324	39.566	24.831	62,76%
+ Vật kiến trúc khác	59.059	29.487	58.982	28.672	48,61%
- Máy móc, thiết bị (*)	1.072.660	338.043	1.074.251	318.708	29,67%
+ Nấu – Lên men	597.872	169.508	598.149	157.484	26,33%
+ Chiết	277.548	110.603	279.255	106.839	38,26%
+ Động lực	163.360	45.513	162.776	42.448	26,08%
+ Khác	33.880	12.419	34.071	11.937	35,04%
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	17.278	8.237	19.517	10.139	51,95%
- Thiết bị văn phòng	5.305s	1.879	5.305	1.776	33,48%
- Cây lâu năm súc vật nuôi	-	-	734	127	17,30%
- TSCĐ khác	1.024	290	290	154	53,10%
2. Tài sản cố định vô hình	1.407	583	1.407	571	40,58%
- Quyền sử dụng đất	500	500	500	500	100,00%
- Phần mềm máy tính	678	-	678	-	-
- Khác	229	83	229	71	31,00%

Nguồn: BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 29: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	31/12/2017 Hợp nhất		31/03/2018 Hợp nhất		Giá trị còn lại/Nguyên giá (%) 31/03/2018
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
3. Tài sản cố định hữu hình	1.307.621	477.760	1.311.374	457.188	34,86%
- Nhà cửa, vật kiến trúc	208.542	126.617	208.465	123.706	59,34%
+ Nhà xưởng, nhà Văn phòng	91.310	58.269	91.310	57.020	62,45%
+ Sân bãi	12.295	7.345	12.295	7.127	57,97%
+ Kho tàng	45.878	31.516	45.878	30.887	67,32%
+ Vật kiến trúc khác	59.059	29.487	58.982	28.672	48,61%
- Máy móc, thiết bị (*)	1.072.660	338.043	1.074.251	318.708	29,67%
+ Nấu – Lên men	597.872	169.508	598.149	157.484	26,33%
+ Chiết	277.548	110.603	279.255	106.839	38,26%
+ Động lực	163.360	45.513	162.776	42.448	26,08%
+ Khác	33.880	12.419	34.071	11.937	35,04%
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.090	10.933	22.329	12.717	56,95%
- Thiết bị văn phòng	5.305	1.879	5.305	1.776	33,48%
- Cây lâu năm súc vật nuôi	-	-	734	127	17,30%
- TSCĐ khác	1.024	290	290	154	53,10%
4. Tài sản cố định vô hình	1.407	583	1.407	571	40,58%
- Quyền sử dụng đất	500	500	500	500	100%
- Phần mềm máy tính	678	-	678	-	-
- Khác	229	83	229	71	31,00%

Nguồn: BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

(*) Máy móc, thiết bị của Công ty chủ yếu là hệ thống dây chuyền sản xuất bia.

Danh mục đất đai Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung đang quản lý và sử dụng:

STT	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Hình thức sở hữu
1	Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buon Ma Thuot, Tỉnh Đắk Lắk	205.049 m ²	Văn phòng làm việc và Nhà máy sản xuất Đắk Lắk	UBND Đắk Lắk cho thuê đến 31/01/2055; Công ty trả tiền hàng năm
2	Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	69.245 m ²	Văn phòng làm việc và Nhà máy sản xuất Quy Nhơn	Sở TN và MT Bình Định; CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Định cho thuê đến 19/09/2046; Công ty trả tiền hàng năm
3	Số 265 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	33.776 m ²	Nhà máy sản xuất Phú Yên	UBND Phú Yên; Sở TN và MT Phú Yên cho thuê đến 10/10/2036; Công ty trả tiền hàng năm

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

Bảng 30: Hàng tồn kho (Riêng)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
		Riêng	Riêng
Hàng tồn kho	111.976.778.629	139.908.753.377	170.261.478.333
Tổng cộng	111.976.778.629	139.908.753.377	170.261.478.333

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 31: Hàng tồn kho (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
		Hợp nhất	Hợp nhất
Hàng tồn kho	111.976.778.629	142.989.740.694	171.697.945.386
Tổng cộng	111.976.778.629	142.989.740.694	171.697.945.386

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung chú ý xây dựng định mức số lượng hàng tồn kho phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh phù hợp với nhu cầu tiêu của thị trường đặc biệt là đối tác liên kết lớn là Tổng Công ty. Bên cạnh đó, SMB cũng thường xuyên cập nhật tình hình tồn kho của các nhà máy để có các biện pháp tác động kịp thời trong trường hợp hàng tồn kho không đúng theo định mức đã xây dựng, đề xuất với Tổng Công ty để có được những chính sách tiêu thụ thành phẩm tốt thông qua các công ty thương mại.

Hiện nay, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do SMB không có hàng kém phẩm chất, hàng bán ra có lãi và không bị mất giá.

Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
		Riêng	Riêng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.266.027.534	334.268.210	961.282.722
Tổng cộng	1.266.027.534	334.268.210	961.282.722

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Riêng), Quý I/2018 (Riêng) của SMB

Bảng 33: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
		Hợp nhất	Hợp nhất
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.266.027.534	334.268.210	961.282.722
Tổng cộng	1.266.027.534	334.268.210	961.282.722

Nguồn: BCTC năm 2016, BCTC năm 2017 (Hợp nhất), Quý I/2018 (Hợp nhất) của SMB

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 34: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Thực hiện	So với TH 2016	Kế hoạch	So với KH 2017	Kế hoạch	So với KH 2018
Doanh thu thuần	Tr.Đồng	1.122.130	36,78%	1.150.000	2,48%	1.200.000	4,35%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đồng	127.259	22,75%	130.000	2,15%	140.000	7,69%
Vốn điều lệ	Tr.Đồng	298.466	0%	298.466	0%	298.466	0%
LNST/Doanh thu thuần	%	11,34%	-10,28%	11,30%	-0,35%	11,67%	3,27%
LNST / Vốn điều lệ	%	42,64%	22,74%	43,56%	2,16%	46,91%	7,69%
Cổ tức	%	30%	20,00%	25%	-16,67%	25%	0%

Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đã xây dựng:

Để đạt mục tiêu kế hoạch SMB định hướng tiếp tục duy trì các dòng bia Sài Gòn hiện tại cùng với việc phát triển các sản phẩm thương hiệu bia tự doanh đang rất có tiềm năng (sản lượng bia tự doanh 2015-2017 tăng trưởng trung bình 36,28%/năm). SMB nhận định khá khả quan về thị trường tiêu thụ trong năm 2018 và 2019 tới, cùng với việc giữ các chi phí sản xuất biến động không quá lớn và tính cả tác động từ lộ trình thuế tiêu thụ đặc biệt tăng lên 65% từ năm 2018 sẽ làm làm giá bán tăng từ đó làm giảm sức tiêu thụ, cũng như áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng. Theo đó, Công ty đặt sản lượng kế hoạch mục tiêu 2018 là 202,75 triệu lít và 221,31 triệu lít (tăng trưởng sản lượng trung bình giai đoạn này khoảng 9,15%). Từ sản lượng kế hoạch Công ty đưa ra doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2018 đạt 1.150 tỷ đồng và 130 tỷ đồng và kế hoạch 2019 là 1.200 tỷ đồng và 140 tỷ đồng.

➤ **Về công tác đầu tư**

Hiện Công ty đã triển khai những hạng mục đầu tư tài sản cố định tại các Nhà máy hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, cụ thể:

Dự án	Giá trị đầu tư	Thời gian hoàn thành	Hiệu quả mang lại	Nguồn vốn thực hiện
Xây dựng thêm kho chứa thành phẩm tại Quy Nhơn	2,67 tỷ đồng	Tháng 04/2017	Nhằm mục đích cho Công ty Suntory PepsiCo Việt Nam thuê, góp phần tăng thêm lợi nhuận, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, giữ mối quan hệ hợp tác bền vững với đối tác và sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện có.	Tự có
Hệ thống thiết bị khử khí nước pha bia công suất 50h1/h tại Quy Nhơn	2,9 tỷ đồng	Tháng 06/2017	Giải quyết việc thiếu nước pha bia trong quá trình sản xuất, đã tồn tại nhiều năm. Qua đó đáp ứng đầy đủ nguồn lực sản xuất; đáp ứng nhu cầu sản lượng tăng cao trong những tháng cao điểm và sẵn sàng cho sự phát triển tương lai; nâng cao chất lượng và sự ổn định sản phẩm.	Tự có
Hệ thống nhà nấu sản xuất bia tự doanh tại Nhà máy Phú Yên	6,83 tỷ đồng	Tháng 06/2017	Nâng Công suất sản xuất Bia Tươi từ 14 triệu lít/năm lên 20 triệu lít/năm. Lợi nhuận bình quân tăng thêm khoảng 4 tỷ đồng/năm. Góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm bia tươi Sài Gòn - Phú Yên.	Vốn vay: 69%; Vốn tự có: 31%
Đầu tư Tank lên men, Tank TBF đáp ứng yêu cầu sản xuất tại Đắk Lắk	15,66 tỷ đồng	Tháng 04/2018	Đáp ứng yêu cầu sản xuất (Do chuyển dịch cơ cấu Sản phẩm từ bia ngắn ngày sang bia dài ngày)	Tự có

➤ **Về công tác sản xuất kinh doanh**

- Phân đầu đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động an toàn, sản xuất liên tục thông suốt, cung cấp đầy đủ và kịp thời cho Tổng công ty; đồng thời tận dụng tối đa phần công suất để sản xuất các loại bia tự doanh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo đúng quy trình sản xuất đã ban hành, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Sabeco.
- Sản xuất bia Qui Nhơn (Chai và lon) tại Nhà máy Đắk Lắk để giảm áp lực cho Nhà máy Quy Nhơn và Phú Yên nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

- Chủ động, kịp thời điều phối sản xuất, nhân lực và điều chuyển vật tư, bao bì, công cụ dụng cụ, ... giữa các bộ phận trong nhà máy và giữa các nhà máy trong công ty đảm bảo hiệu quả sản xuất và đúng quy định.
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong SXKD và hoạt động quản lý.

➤ **Về công tác tiêu thụ**

Đối với sản phẩm bia Sài Gòn:

- Thực hiện chủ trương đồng hành cùng các Công ty Thương mại, chủ động phối kết hợp với Công ty Thương mại để kết nối với các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương nhằm phát triển thị trường theo hướng bền vững. Cùng với các công ty Thương mại khu vực và Ban Marketing của Tổng Công ty thực hiện tốt các chương trình giới thiệu quảng bá tiêu thụ bia Sài Gòn.
- Phối hợp chặt chẽ với các Công ty Thương mại để đẩy mạnh giao nhận hàng, đơn đốc và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các đơn vị nhận đủ kế hoạch tuần đã thông báo.
- Kịp thời làm việc với Ban Mua hàng Tổng Công ty để cân đối vật tư cho sản xuất, nhất là khi cơ cấu sản phẩm tiêu thụ thực tế giữa Bia Sài Gòn 450, 35, Bia Lager 355 trên thị trường có sự thay đổi so với kế hoạch Tổng Công ty giao.
- Thường xuyên theo dõi bám sát, có chính sách hợp tác và phối hợp cùng với các đơn vị vận tải để cùng nhau tháo gỡ các khó khăn trong công tác vận chuyển, giao nhận kết vỏ chai kịp thời phục vụ cho sản xuất, nhằm đẩy mạnh công tác tiêu thụ bia Sài Gòn.

Đối với các sản phẩm tự doanh:

- Tiếp tục rà soát, đánh giá khả năng phát triển của từng loại sản phẩm để có chính sách đầu tư thích hợp và phù hợp với chủ trương của Sabeco.
- Chú trọng đầu tư các nguồn lực cho công tác phát triển thị trường, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, kịp thời để đẩy mạnh tiêu thụ.
- Xây dựng và thực hiện các chương trình Marketing, các hoạt động PR, ... có chọn lọc, hiệu quả nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh thương hiệu sản phẩm, thu hút và kích thích người tiêu dùng sử dụng sản phẩm.
- Chủ động điều phối bia Qui Nhơn thật nhịp nhàng và đồng bộ giữa 3 nhà máy để đáp ứng kịp thời và đầy đủ cho thị trường.

➤ **Về công tác tài chính**

- Tiến hành quản trị kết quả sản xuất kinh doanh theo từng tháng tại các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là các yếu tố đầu vào, chi tiêu, sử dụng vốn, chi phí tiền lương, định mức tiêu hao trong sản xuất,... để kịp thời chấn chỉnh thực hiện đúng quy chế quy định của Công ty; đồng thời có giải pháp kịp thời nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thường xuyên cân đối dòng tiền và xây dựng các giải pháp tài chính nhằm huy động vốn có hiệu quả, tìm nguồn vốn vay giá rẻ, đảm bảo giảm thiểu chi phí tài chính thông qua việc điều chuyển vốn giữa các đơn vị để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

➤ Các công tác khác

- Tiếp tục phát huy phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo trong CBCNV và người lao động toàn Công ty, đây là công việc thường xuyên có tác dụng tăng năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả SXKD.
- Quan tâm hơn nữa đến công tác thi đua khen thưởng để thúc đẩy phong trào thi đua.
- Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005.
- Xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong doanh nghiệp, coi đây là nét đẹp văn hóa doanh nghiệp, là nền tảng cho sự phát triển.
- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy, các quy chế, quy định áp dụng chung toàn Công ty.
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Công đoàn Tổng Công ty về việc chuyển Công đoàn bia Quy Nhơn về trực thuộc Công đoàn Công ty để sáp nhập 3 tổ chức Công đoàn cơ sở của Công ty thành một nhằm đảm bảo quyền lợi của Công đoàn viên và người lao động.
- Tích cực tham gia các hoạt động công tác xã hội, chung tay vì cộng đồng một cách thiết thực, có ý nghĩa.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung là một trong những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trong ngành, với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường. Công ty luôn bám sát định hướng do Sabeco đề ra cũng như các đề án quy hoạch phát triển ngành của Bộ Công thương để có những kế hoạch kinh doanh thích hợp. Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như các năm trước đó, năng lực hoạt động của Công ty và triển vọng sắp tới của ngành và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của Công ty là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung.
- Mã cổ phiếu:** SMB.
- Tổng số cổ phiếu niêm yết:** 29.846.648 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:** 16.999.293 cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn là người có liên quan bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 06 tháng đầu tiên kể từ khi niêm yết và 50% trong 06 tháng tiếp theo.
- Phương pháp tính giá**

7.1. Giá trị sổ sách

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/03/2018
Vốn chủ sở hữu	477.227.593.243	461.507.709.528
Số cổ phiếu đang lưu hành	29.846.648	29.846.648
Giá trị sổ sách	15.989	15.463

7.2. Phương pháp giá trị thị trường

Giá niêm yết của cổ phiếu CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung (SMB) được tính theo giá bình quân giá thị trường của cổ phiếu này trong 20 phiên giao dịch liên tiếp tại sàn UPCoM, trong đó thị giá của cổ phiếu SMB tại mỗi phiên giao dịch là bình quân gia quyền của các mức giá giao dịch lô chẵn thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục tại sàn UPCoM trong phiên giao dịch đó (Theo số liệu công bố của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Như vậy, bình quân giá thị trường của cổ phiếu SMB trong 20 phiên giao dịch liên tiếp tại sàn UPCoM từ ngày 12/04/2018 đến ngày 14/05/2018 là: **31.230 đồng/cổ phiếu**.

7.3. Phương pháp P/E và P/B

STT	Tên doanh nghiệp	Mã chứng khoán	EPS 2017	Book Value 31/12/2017	P (14/05/2018)	P/E	P/B
1	CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	BSQ	2.126	13.329	21.000	9,9	1,6
2	CTCP Bia Sài Gòn – Sông Lam	BSL	820	11.029	15.000	18,3	1,4
3	CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây	WSB	6.621	37.387	46.200	7,0	1,2
4	CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ	BSP	4.245	19.779	23.000	5,4	1,2
5	CTCP Bia Hà Nội – Thái Bình	BTB	775	13.744	10.000	12,9	0,7
Bình quân						10,7	1,2

STT	Tên doanh nghiệp	Mã chứng khoán	EPS 2017	Book Value 31/12/2017	P (14/05/2018)	P/E	P/B
Giá theo phương pháp						P/E	P/B
6	CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung	SMB	4.264	15.989	-	45.625	19.187

Vậy giá cổ phiếu theo phương pháp P/E và P/B = 50% x 45.625 + 50% x 19.187 = **32.406 đồng/cổ phiếu.**

7.4. Kết luận

CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung (SMB) lựa chọn phương pháp tính giá theo phương pháp giá trị thị trường tại mục 7.2.

Tuy nhiên, do giá thị trường của cổ phiếu SMB sẽ có thể thay đổi cho đến thời điểm chính thức giao dịch tại Sở Tp.Hồ Chí Minh. Vì thế, Công ty sẽ có văn bản đăng ký giá chính thức gửi đến Quý Sở sau khi được chấp thuận niêm yết và có thông tin về ngày giao dịch cuối cùng tại sàn UPCoM theo Quyết định hủy đăng ký giao dịch của Sở GDCK Hà Nội. Theo đó giá cổ phiếu đăng ký cũng sẽ là bình quân giá thị trường của cổ phiếu SMB trong 20 phiên giao dịch cuối cùng liên tiếp tại sàn UPCoM.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện nay của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu SMB.

Theo Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác.

Tuy nhiên, do hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cụ thể đối với từng ngành nghề kinh doanh của Công ty. Vì thế, Bia Sài Gòn – Miền trung tạm thời áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Trong thời gian tới, sau khi các văn bản pháp lý được hoàn thiện, Công ty sẽ tiếp tục tiến hành rà soát nhằm xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo đúng quy định pháp luật và trình Đại hội cổ đông gần nhất thông qua. Ngoài ra, việc báo cáo và công bố thông tin đối với vấn đề này, SMB xin cam kết sẽ thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại ngày 15/03/2018, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài là 1.682.744 cổ phiếu, chiếm 5,64% vốn điều lệ.

9. Các loại thuế có liên quan

9.1. Thuế đối với hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung

Công ty đang nộp các loại thuế theo quy định như: Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế giá trị gia tăng, Thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế khác theo quy định.

➤ Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Năm 2015 Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức 22% theo quy định tại nghị định 218/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Cũng trong nghị định này, từ 01/01/2016 thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm từ 22% xuống 20%. Theo đó năm 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức 20%.

➤ Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty tính theo phương pháp khấu trừ và thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013; Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 và Thông tư số 219/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 về việc hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng. Bia Sài Gòn – Miền Trung áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% trên tất cả các mặt hàng.

➤ Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung có sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là bia (bia Sài Gòn và bia tự doanh). Công ty tiến hành nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo đúng biểu thuế quy định trong Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 70/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014:

- | | | |
|--|---|-----|
| ▪ Từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016 | : | 55% |
| ▪ Từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017 | : | 60% |
| ▪ Từ ngày 01/01/2018 | : | 65% |

➤ Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế môn bài,... Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

9.2. Thuế đối với hoạt động giao dịch chứng khoán

Đối với cá nhân

Nhà đầu tư cá nhân chịu thuế theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.

Đối với tổ chức

Nhà đầu tư tổ chức chịu thuế theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:
Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Địa chỉ : Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 0262 3877 519 Fax: 0262 3877 455

Website : www.biasaigonmt.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà 167, Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 6278 2904 Fax: 024 6278 2905

Website : www.anvietcpa.com

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ : Số 52 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại : 024 3773 7070 Fax: 024 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 6290 8686 Fax: 028 6291 0607

Website : www.fpts.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. Phụ lục II** : Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- 3. Phụ lục III** : Điều lệ công ty
- 4. Phụ lục IV** : BCTC 2016, 2017 (riêng, hợp nhất) và BCTC quý (riêng, hợp nhất) gần nhất
- 5. Các phụ lục khác.**

VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 06 năm 2018

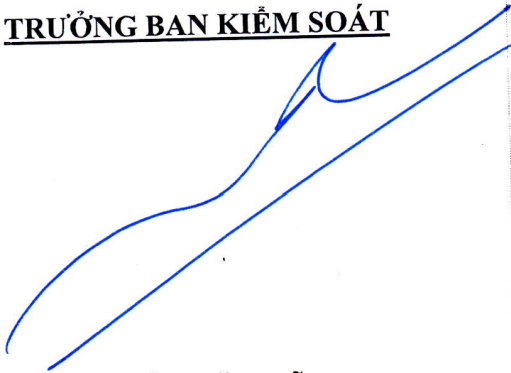
**TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI NGỌC HẠNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN VĂN DŨNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH VĂN DŨNG

**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIỂM
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



VŨ TUẤN ANH

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HCM**

GIÁM ĐỐC PHÒNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



LÊ QUANG NGỌC THANH